

BÁO CÁO | 20
THƯỜNG NIÊN | 20



Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

🏠 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ (84 28) 3553 3999 - 3553 3888

✉ www.vissan.com.vn

THÔNG DIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng và đối tác!

Năm 2020 khép lại với bức tranh kinh tế hết sức ảm đạm của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Kể từ khi bùng phát trên toàn cầu, dịch COVID-19 được coi là sự kiện thời bình tiêu cực nhất trong hơn một thế kỷ, khiến nhiều nền kinh tế lớn rơi vào khủng hoảng. Tại Việt Nam, GDP năm 2020 chỉ tăng 2,91% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

Bên cạnh đó, Dịch tả heo châu Phi (ASF) đã gây thiệt hại nặng nề đến đàn heo cả nước, nguồn nguyên liệu heo hơi thiếu hụt trầm trọng, gây mất cân đối cung cầu, dẫn đến giá heo hơi đầu vào của Công ty năm 2020 tăng hơn 64% so cùng kỳ 2019, đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh ngành hàng thực phẩm tươi sống của Công ty.

Tuy nhiên, với những nỗ lực không ngừng nghỉ, lao động sáng tạo, đồng tâm hiệp lực của gần 5.000 con người VISSAN dưới sự điều hành hiệu quả, tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và định hướng chiến lược đúng đắn, chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng Quản trị, tổng doanh thu năm 2020 của Công ty đạt 5.169 tỷ đồng, cao hơn 1,3% so với kế hoạch và tăng 3,5% so với năm 2019.

Công ty VISSAN đã đi qua chặng đường 50 năm chinh phục người tiêu dùng Việt. Đến thời điểm này, có thể tự hào rằng, Công ty VISSAN hiện là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành thực phẩm của cả nước. Với sứ mệnh cung ứng cho thị trường những sản phẩm an toàn, chất lượng, công ty không ngừng xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn bền vững Feed - Farm - Food “Từ trang trại tới bàn ăn”, thực hiện sứ mệnh cung cấp sản phẩm chất lượng cao, dinh dưỡng, góp phần bình ổn giá cả thị trường thực phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

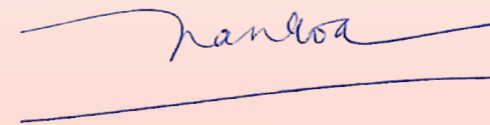
Bước sang năm 2021, tác động kép từ đại dịch COVID-19 và dịch tả heo Châu Phi được dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù vậy, khó khăn thử thách chưa bao giờ và sẽ không bao giờ ngăn được bước tiến của VISSAN. Tôi và Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng, VISSAN sẽ vượt qua tất cả sóng gió, tiếp tục vươn lên những tầm cao mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành cùng VISSAN trong suốt 50 năm qua, Tôi mong rằng VISSAN sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong tương lai.

“ Khó khăn thử thách chưa bao giờ và sẽ không bao giờ ngăn được bước tiến của VISSAN. Tôi và Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng, VISSAN sẽ vượt qua tất cả sóng gió, tiếp tục vươn lên những tầm cao mới. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành cùng VISSAN trong suốt 50 năm qua, Tôi mong rằng VISSAN sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong tương lai.”

Trân trọng cảm ơn !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN PHÚC KHOA



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 9

Quá trình hình thành và phát triển 11

Thành tựu và giải thưởng 13

Sản phẩm, dịch vụ 17

Mạng lưới sản xuất kinh doanh 22

Sơ đồ tổ chức 23

Định hướng phát triển 25

Các rủi ro 29

Chương 01

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

65 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

66 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương 04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

69 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

69 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

77 Ban Kiểm soát

79 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Chương 05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

83 Trách nhiệm đối với nguyên vật liệu

84 Trách nhiệm với môi trường

85 Trách nhiệm đối với người lao động

87 Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

Chương 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

91 Thông tin chung

92 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

93 Báo cáo kiểm toán độc lập

95 Bảng cân đối kế toán

97 Báo cáo kết quả kinh doanh

98 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

99 Thuyết minh báo cáo tài chính

Chương 07

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 33

Tổ chức và nhân sự 35

Tình hình tài chính 45

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu 47

Chương 02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 51

Tình hình tài chính 55

Công tác phát triển sản phẩm mới 57

Công tác phát triển thương hiệu 59

Công tác quản trị, nhân sự 60

Kế hoạch phát triển tương lai 61

Chương 03



01

THÔNG TIN CHUNG

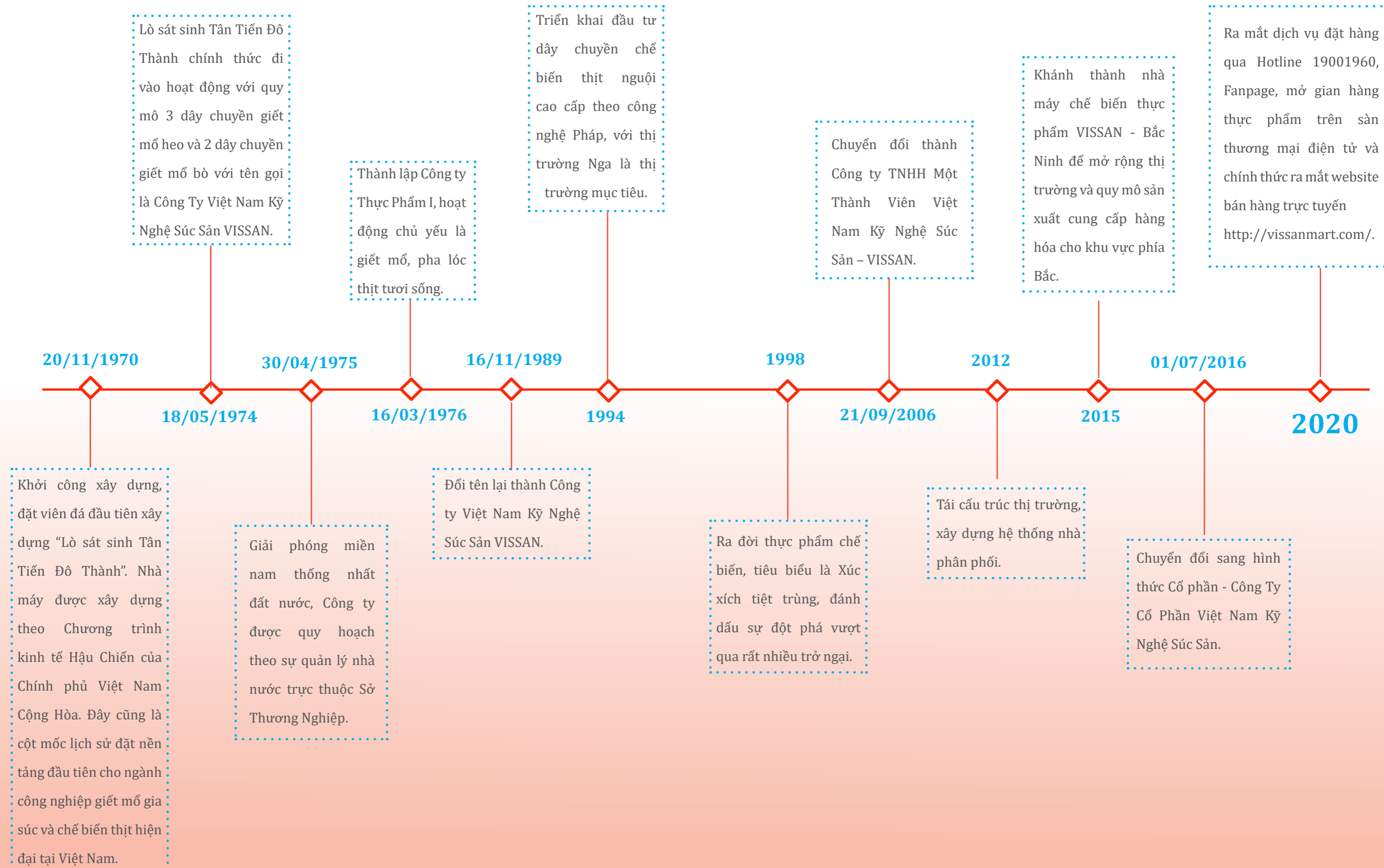
- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Thành tựu và giải thưởng
- ✓ Sản phẩm, dịch vụ
- ✓ Mạng lưới sản xuất kinh doanh
- ✓ Sơ đồ tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	Trụ sở chính	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	Điện thoại	(84 28) 3553 3999 - 3553 3888
Tên tiếng anh	Vissan Joint Stock Company	Fax	(84 28) 3553 3939
Tên viết tắt	VISSAN	Email	vissanco@vissan.com.vn
Mã cổ phiếu	VSN	Website	www.vissan.com.vn
Vốn điều lệ	809.143.000.000 VND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM 2020

Lần thứ 4 Đạt Danh hiệu Thương Hiệu Quốc Gia Việt Nam 2020 do Hội đồng thương hiệu quốc gia và Bộ Công thương công nhận.



16 năm liền Danh hiệu “Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2020” do UBND TP. HCM chứng nhận.



Danh hiệu Top 10 Công ty thực phẩm uy tín Việt Nam do báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn



24 năm liên tục đạt “Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020”

14 năm liên tục nằm trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn.



Danh hiệu Top 50 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam do Tạp chí Forbes bình chọn



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng Thương Hiệu Việt yêu thích nhất năm 2020 do Báo Sài Gòn giải phóng tổ chức.



Danh hiệu “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” năm 2020 do Sở Công Thương Hà Nội chứng nhận.

Giải thưởng Sản phẩm công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu TP. HCM do Sở Công Thương TP. HCM chứng nhận.

Danh hiệu Top 500 Công ty có lợi nhuận lớn nhất Việt Nam do báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Hiện nay, sản phẩm của VISSAN gồm hai mảng chính là thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến.

Nhóm thực phẩm tươi sống bao gồm thịt heo, thịt bò.

Đối với thịt heo



VISSAN kinh doanh đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt heo, giúp người tiêu dùng dễ dàng lựa chọn sản phẩm tươi ngon, bảo đảm chất lượng, giá cả lại phù hợp. VISSAN luôn đưa ra các tiêu chí khắt khe trong quá trình từ chăn nuôi đến giết mổ và phân phối đến người tiêu dùng, cụ thể yêu cầu:

◇ **Về nguồn nguyên liệu**, đàn heo được lựa chọn kỹ càng từ trại chăn nuôi riêng của VISSAN (Xí nghiệp chăn nuôi VISSAN Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi VISSAN Bình Thuận) và các trang trại liên kết, các trang trại đều được chứng nhận VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh... Tất cả nguồn heo thịt đưa vào giết mổ để cung ứng thịt tươi, làm nguyên liệu chế biến đều đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, VISSAN đang thực hiện chuỗi cung ứng thịt heo an toàn, hệ thống phân phối đạt chuẩn VietGAP, ứng dụng giải pháp TE-FOOD nhằm truy xuất nguồn gốc từ trang trại đến bàn ăn.

◇ **Về hệ thống kiểm soát**, heo luôn được kiểm soát từ khâu chăn nuôi đến khi giết mổ bởi Chi Cục Thú y TP.HCM, đối với thịt nhập khẩu thì được kiểm soát bởi trung tâm thú y vùng. Bên cạnh đó, Công ty cũng có hệ thống kiểm soát chất lượng từ khâu giết mổ, chế biến đến phân phối.

◇ **Về dây chuyền giết mổ**, với hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, được cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy phép giết mổ theo yêu cầu của UBND TP.HCM. Tới thời điểm hiện tại, dây chuyền giết mổ heo của VISSAN được xem là dây chuyền hiện đại nhất Việt Nam với công suất giết mổ khoảng 2.400 con/ngày.

Đối với thịt bò

VISSAN chủ yếu kinh doanh bò Úc nhập khẩu, đây là sản phẩm thịt bò chất lượng và an toàn cho sức khỏe với các tiêu chí cao.



◇ **Về nguồn nguyên liệu**, đàn bò được nhập khẩu từ Úc dưới hình thức bò hơi, sau thời gian kiểm dịch đạt tất cả các tiêu chuẩn vệ sinh thú y sẽ được VISSAN nhập về để giết mổ, cung ứng thịt tươi và nguyên liệu chế biến.

◇ **Về dây chuyền giết mổ**, để bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế, dây chuyền của VISSAN phải được hai cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy chứng nhận ESCAS – đây là tiêu chuẩn được Chính phủ Úc đặt ra đối với các cơ sở giết mổ nhằm bảo đảm đối xử nhân đạo với gia súc từ khâu chăn nuôi, vận chuyển, lưu trữ, giết mổ. Toàn bộ quá trình giết mổ bò được giám sát qua hệ thống camera trực tuyến từ Úc. Hiện nay, VISSAN đã được cấp giấy chứng nhận ESCAS với công suất giết mổ lên đến 300 con/ngày

◇ **Tiêu chuẩn giết mổ bò của VISSAN**: Không chỉ tuân thủ tiêu chuẩn ESCAS, quy trình giết mổ, pha lóc và bảo quản thịt bò luôn được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Chi cục Thú y TP.HCM. Thịt bò được phân phối đến các hệ thống bán lẻ ở nhiệt độ mát nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh tốt nhất, giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm chất lượng nhất.

◇ **Về hệ thống kiểm soát**, Bò Úc nhập về Việt Nam luôn được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nuôi nhốt đến khi giết mổ bởi Cục Thú y, Trung tâm Thú y TP.HCM và Chi cục Thú y địa phương. Để có thể truy xuất nguồn gốc, bò Úc nhập khẩu còn được kiểm soát bởi thiết bị chip điện tử gắn kèm theo mỗi cá thể.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ



Thực phẩm chế biến

Hiện VISSAN đã phát triển hơn 300 chủng loại sản phẩm chế biến đa dạng, an toàn cho sức khỏe và phù hợp với cân bằng dinh dưỡng. Công ty đang cung cấp cho thị trường toàn quốc trên 28.000 tấn sản phẩm chế biến mỗi năm.

Công ty đã trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại và khép kín như

- Hệ thống dây chuyền sản xuất xúc xích tiết trùng với thiết bị, công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản, công suất 10.000 tấn/năm.
- Hệ thống dây chuyền sản xuất - chế biến đồ hộp, công suất 5.000 tấn/năm với thiết bị và công nghệ của châu Âu.
- Dây chuyền sản xuất - chế biến thịt nguội nhập từ Pháp và Tây Ban Nha với công suất 5.000 tấn/năm.
- Nhà máy chế biến thực phẩm đông lạnh theo truyền thống Việt Nam có công suất 5.000 tấn/năm tại TP.HCM.
- Nhà máy chế biến thực phẩm do Chi nhánh Hà Nội quản lý với công suất 3.000 tấn/năm tại Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Thực phẩm chế biến của VISSAN gồm 2 dòng sản phẩm chính là thực phẩm chế biến khô và thực phẩm chế biến lạnh.

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN KHÔ



Xúc xích tiết trùng

VISSAN hiện có 3 thương hiệu xúc xích tiết trùng gồm xúc xích VISSAN, xúc xích 3 Bông Mai (hướng đến đối tượng khách hàng là các bà mẹ từ 27 đến 45 tuổi, trẻ em từ 6 đến 13 tuổi) và xúc xích Dzui Dzui. Bằng hương vị thơm ngon, an toàn và tiện lợi, dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng của VISSAN hiện chiếm 65% thị phần cả nước. Ngoài ra, sản phẩm này còn được xuất khẩu sang Lào và Campuchia

Lạp xưởng

VISSAN có sản phẩm lạp xưởng chế biến từ thịt heo như lạp xưởng Mai Quế Lộ, lạp xưởng chế biến từ tôm... Với thương hiệu uy tín lâu đời, sản phẩm đa dạng về hương vị, kích cỡ, VISSAN hiện chiếm 70% thị phần lạp xưởng tại thị trường nội địa.



Đồ hộp

Sản phẩm đồ hộp của VISSAN gồm nhiều sản phẩm đóng hộp từ heo, cá, bò, gà. Đồ hộp VISSAN, hiện chiếm 20% thị phần đồ hộp toàn quốc, có hương vị thơm ngon, tươi mới và dễ dàng sử dụng.

Gia vị và các sản phẩm ăn liền khác

Gia vị là dòng sản phẩm mới nhất mà VISSAN phát triển với sản phẩm đầu tiên là hạt nêm. Bên cạnh đó là các sản phẩm ăn liền khác như chà bông heo, chả giò ăn liền... Các sản phẩm mới được VISSAN nghiên cứu, phát triển với hàm lượng giá trị gia tăng cao, khác biệt với hương vị độc đáo và chất lượng hoàn hảo.



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

»»»» THỰC PHẨM CHẾ BIẾN ĐÔNG LẠNH <<<<<

Hàng đông lạnh

Gồm các nhóm sản phẩm truyền thống Việt Nam như chả giò các loại, nem nướng...; các sản phẩm mang hương vị châu Á như há cảo, sủi cảo... và nhiều loại sản phẩm khác. Thị phần của hàng đông lạnh VISSAN chiếm 40% toàn quốc.



Thịt nguội

Gồm nhiều sản phẩm mang hương vị châu Âu như xúc xích, jambon, thịt xông khói,... với thị phần chiếm 10% thị trường nội địa.

Giò các loại

Đối với sản phẩm giò, VISSAN chiếm 30% thị phần cả nước. Sản phẩm này cũng được xuất khẩu sang Lào và một số nước khác



MẠNG LƯỚI SẢN XUẤT KINH DOANH

VISSAN chủ yếu kinh doanh tại thị trường trong nước.

Thị trường nội địa

Thương hiệu VISSAN đã hiện diện tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, được phân phối và bày bán tại hầu hết các hệ thống siêu thị trên cả nước, các cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại, chợ truyền thống... Trong đó có các hệ thống siêu thị lớn nhất Việt Nam như CoopMart, SatraMart, VinMart,...

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 132 nhà phân phối, 130.000 điểm bán trên kênh truyền thống, hơn 1.000 siêu thị, cửa hàng tiện lợi và hệ thống gần 50 cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc

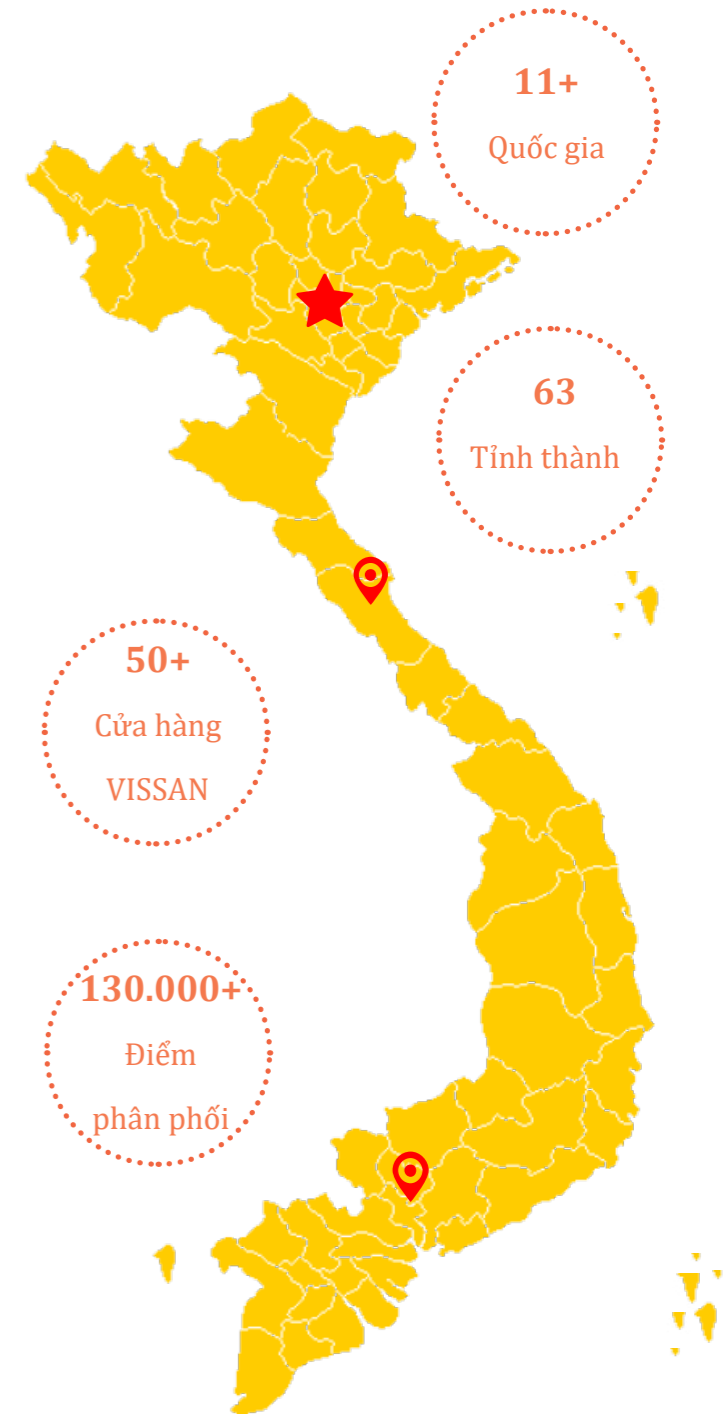
Thị trường quốc tế

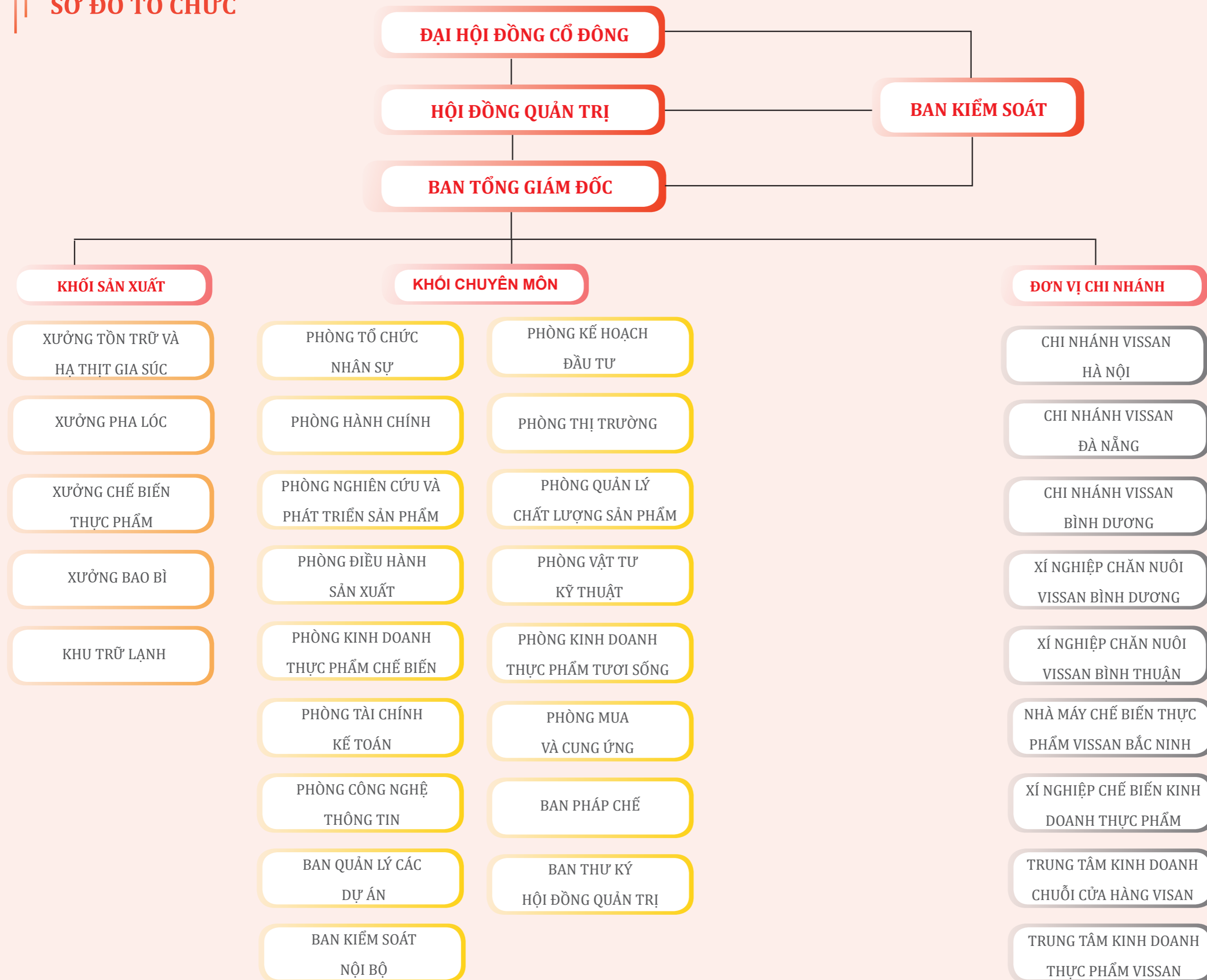
Không chỉ phục vụ thị trường nội địa, sản phẩm của VISSAN đã và đang từng bước chinh phục quốc tế với những bước đi vững chắc:

Xuất khẩu các sản phẩm chế biến đông lạnh, sản phẩm chế biến truyền thống, sản phẩm chế biến từ thịt... sang thị trường Bắc Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Đức, Nga, Lào, Campuchia,...

Hệ thống phân phối online

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên những thay đổi mạnh mẽ, sâu rộng lên mọi phương diện kinh tế - xã hội, phát triển kênh phân phối "online" đã trở thành xu thế tất yếu trong hoạt động phân phối của mọi doanh nghiệp. Không nằm ngoài xu thế, bằng tinh thần đổi mới sáng tạo không ngừng, tiên phong trong mọi hoạt động, VISSAN đã và đang chú trọng phát triển hệ thống phân phối "online" với việc ra mắt dịch vụ đặt hàng qua Hotline 19001960, Fanpage, mở gian hàng thực phẩm trên sàn thương mại điện tử và chính thức ra mắt website bán hàng trực tuyến <http://vissanmart.com/>.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN



VISSAN trở thành thương hiệu thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, vươn tầm quốc tế với chuỗi cung ứng khép kín, bền vững và truy suất nguồn gốc.

SỨ MỆNH



VISSAN cam kết cung cấp nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng với giá trị dinh dưỡng cao và tiện lợi nhằm mang đến cuộc sống tốt đẹp hơn, phong phú hơn cho cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÍNH TIỆN LỢI

NIỀM TỰ HÀO ĐẦY SỨC SỐNG

TÍNH VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẤM THỰC

TÍNH ĐA DẠNG, PHONG PHÚ THỎA MÃN NHU CẦU

TÍNH THÂN THIỆN VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG

SỰ LÀNH MẠNH VÀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

TÍNH NGON VỊ VÀ DINH DƯỠNG

TÍNH CHUYÊN NGHIỆP



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HOÀN THIÊN HỆ SINH THÁI 3F

Tầm nhìn chiến lược xuyên suốt của VISSAN là kiến tạo một hệ sinh thái nông nghiệp hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng nhất sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.

VUN ĐẮP THƯƠNG HIỆU VIỆT

Với bề dày lịch sử uy tín 50 năm, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN.

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU

VISSAN luôn nỗ lực đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, tươi ngon nhất, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn hàng đầu như VietGAP, GlobalGAP, ESCAS, HACCP...

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÔNG NGỪNG

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi căn bản, sâu sắc mọi phương diện kinh tế, xã hội. Áp lực cạnh tranh theo đó cũng trở nên mạnh mẽ, gay gắt hơn, đòi hỏi VISSAN phải không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến duy trì, phát triển nền tảng vận hành, phương thức quản trị hiệu quả, tiên tiến.

PHÁT TRIỂN VỚI TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Không chỉ vì mục tiêu tối ưu hoá lợi ích kinh tế của chính mình, VISSAN luôn cố gắng bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Công ty với cán bộ nhân viên, cộng đồng xã hội và môi trường thiên nhiên. VISSAN hiểu rằng chỉ khi gắn kết được các mục tiêu đó, VISSAN mới thật sự hướng đến những giá trị bền vững.

VỮNG VÀNG TRƯỚC MỌI THỬ THÁCH

Nền kinh tế toàn cầu luôn biến động, rủi ro luôn thường trực nhưng mặt khác cơ hội cũng luôn hiện hữu đòi hỏi VISSAN không những phải quản trị rủi ro mà còn phải nắm rõ nội lực của chính mình để thích nghi với từng hoàn cảnh, từng điều kiện cụ thể. Khi thị trường thuận lợi, VISSAN sẽ tận dụng cơ hội, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh để gia tăng hiệu quả kinh doanh. Ngược lại, khi thị trường khó khăn, VISSAN sẽ thận trọng tối đa trong mọi quyết định để bảo đảm sự tồn tại và phát triển của Công ty.

CỦNG CỐ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối là yếu tố sống còn, quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, đặc biệt trong ngành thực phẩm. Ý thức sâu sắc điều đó, VISSAN luôn chú trọng xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty.

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Quản trị là nền tảng của sự vận hành liên tục, hiệu quả của doanh nghiệp. Tại VISSAN, ban lãnh đạo luôn tập trung hoàn thiện, nâng cao mô hình, năng lực quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.

CÁC RỦI RO

▶ RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, GDP nước ta năm 2020 chỉ đạt 2,91% so với năm 2019, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua. Dịch viêm phổi cấp Covid-19 có diễn biến khó lường đã ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế, làm chậm tốc độ tăng trưởng ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao, thu nhập của người dân giảm đã kéo theo sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh. Dịch tả heo châu Phi (ASF) khiến nguồn nguyên liệu heo hơi thiếu hụt trầm trọng, gây mất cân đối cung cầu, làm giá heo hơi và giá bán thịt heo tăng cao khiến nhu cầu người dân giảm mạnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN.

▶ RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động dưới dạng Công ty Cổ phần, được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, VISSAN chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và các Quy định liên quan khác. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào trong luật đều có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Hiện tại một số luật, chính sách, chế tài đang được đổi mới, những điều luật này yêu cầu Công ty cần phải chuẩn bị kỹ lưỡng để đáp ứng những yêu cầu về luật pháp, chính sách của Nhà nước. Bên cạnh khung pháp lý chung, VISSAN còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong quy trình giết mổ và chế biến thực phẩm.

▶ RỦI RO CẠNH TRANH NGÀNH

Từ khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế: WTO, ASEAN, APEC,... ngày càng nhiều tập đoàn toàn cầu gia nhập vào ngành thực phẩm. Đối thủ cạnh tranh liên tục tung ra sản phẩm mới, kết hợp ưu thế giá rẻ và chương trình khuyến mãi, marketing hấp dẫn cho người tiêu dùng đã tạo nên áp lực cạnh tranh cực kỳ gay gắt.

▶ RỦI RO MÔI TRƯỜNG

VISSAN tự hào là một trong những doanh nghiệp thực phẩm hàng đầu Việt Nam với một hệ sinh thái khép kín, toàn diện nhằm cung cấp nguồn thực phẩm tươi ngon nhất từ trang trại đến bàn ăn. Ngành thực phẩm phụ thuộc rất lớn vào uy tín thương hiệu và hình ảnh Công ty nên các vấn đề môi trường sẽ ảnh hưởng đến lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp. Nhận thấy được rủi ro này, VISSAN đã và đang rất quan tâm đến vấn đề môi trường, luôn chấp hành và tuân thủ tốt các quy định, quy chuẩn của pháp luật về bảo vệ môi trường.

▶ RỦI RO TRUYỀN THÔNG

Thông tin truyền thông có thể giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, tạo ra nhu cầu tiêu dùng, tuy nhiên, thông tin xấu cũng có thể tác động ngược lại gây bất lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. VISSAN có thể không ngăn chặn, xử lý kịp thời và hợp lý các thông tin tiêu cực xuất hiện bên ngoài doanh nghiệp. Trong những năm gần đây các thông tin truyền thông ngày càng có nhiều tin tức về tình hình thực phẩm bẩn phổ biến, tình hình sử dụng chất tăng trưởng, chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt; một số đơn vị sản xuất thực phẩm sử dụng nguyên phụ liệu chưa đạt yêu cầu, cộng với các thông tin bất lợi từ thị trường khi sử dụng thực phẩm chế biến đã tác động đến tâm lý tiêu dùng của người dân. Để hạn chế rủi ro này, VISSAN luôn xây dựng hình ảnh từ sản phẩm lành mạnh, an toàn cho đến đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện với cộng đồng và môi trường; liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp.

▶ RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty. Tình hình dịch COVID-19 trong suốt năm qua đã làm cho nguồn nguyên liệu nhập khẩu không ổn định, sự thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, giá heo hơi biến động tăng trong năm 2020, khiến giá bán thịt heo tăng cao, đã ảnh hưởng đến sản lượng bán ra ngành hàng tươi sống của Công ty.

▶ RỦI RO TỶ GIÁ

Do đặc thù phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu chính từ nước ngoài nên hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN chịu tác động không nhỏ của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá VND/USD. Ngoài ra, VISSAN cũng xuất khẩu các sản phẩm chế biến sang thị trường Bắc Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... Do đó, tỷ giá cũng có ảnh hưởng trong những quyết định mua bán của Công ty. Với biến động khó lường trong bối cảnh hiện nay, các quốc gia liên tục đưa ra các chính sách tiền tệ mới nhằm khôi phục lại nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 khiến cho việc dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

▶ RỦI RO KHÁC

Những rủi ro như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh cũng là một trong những rủi ro cho Công ty. Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✔ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✔ Tổ chức và nhân sự
- ✔ Tình hình tài chính
- ✔ Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.143,5	4.972,6	170,9	3,4%
Giá vốn hàng bán	4.137,8	3.931,9	205,9	5,2%
Lợi nhuận gộp	1.005,7	1.040,7	(35,0)	-3,4%
Lợi nhuận trước thuế	204,9	226,4	(21,5)	-9,5%

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của công ty đạt 204,9 tỷ đồng, giảm 21,5 tỷ đồng (tương đương 9,5%), chủ yếu do tốc độ tăng doanh thu bán hàng thấp hơn tốc độ tăng giá vốn hàng bán. Mặc dù doanh thu bán hàng tăng 3,4%, tuy nhiên giá vốn hàng bán tăng đến 5,2%. Nguyên nhân chủ yếu do giá mua nguyên liệu chính đầu vào, cụ thể là giá heo hơi năm 2020 tăng mạnh hơn 64% so với năm 2019, trong khi giá bán thịt heo năm 2020 (một trong những sản phẩm chủ lực của công ty) chỉ tăng bình quân 44% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, mặc dù Công ty đã nỗ lực thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, tuy nhiên yếu tố Lợi nhuận gộp giảm 35 tỷ đồng đã khiến cho Lợi nhuận trước thuế giảm 21,5 tỷ đồng.



Tình hình thực hiện chỉ tiêu đề ra

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	TH 2020 / KH 2020
Tổng doanh thu	5.168,5	5.100,0	101,3%
Lợi nhuận trước thuế	204,9	180,0	113,8%

So với chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất cho năm 2020, chỉ tiêu Tổng doanh thu và Lợi nhuận trước thuế đều vượt kế hoạch với tỷ lệ hoàn thành lần lượt là 101,3% và 113,8%. Mặc dù trong năm 2020, các diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và dịch tả heo Châu Phi đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh của công ty, nhưng kết quả đạt được nêu trên chính là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cũng như nỗ lực của ban lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ các chi phí nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

»»»» DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ««««



Ông NGUYỄN PHÚC KHOA
Chủ tịch HĐQT

- ◇ Ngày sinh: 1967
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Kinh tế
Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Kỹ sư Cơ khí
Kỹ sư Máy tính
- ◇ Quá trình công tác:
03/2011 - 02/2013
Phó Giám đốc Kinh doanh, SATRA
03/2013 - 03/2016
Giám đốc Kinh doanh, SATRA
04/2016 - nay
Phó Tổng Giám đốc, SATRA
05/2016 - nay
Chủ tịch HĐQT, VISSAN



Ông NGUYỄN NGỌC AN
Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1963
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị
Kinh doanh (MBA)
Kỹ sư Cơ khí
Cử nhân Anh Văn
- ◇ Quá trình công tác:
2006 - 2008
Phó Giám đốc, VISSAN
2009 - 04/2016
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
05/2016 - 03/2017
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
04/2017 - 01/2020
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VISSAN



Ông PHẠM TRUNG LÂM
Phó chủ tịch hội đồng quản trị

- ◇ Ngày sinh: 1973
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- ◇ Quá trình công tác:
05/2016 - nay
Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN



Ông HUỲNH QUANG GIÀU
Thành viên hội đồng quản trị

- ◇ Ngày sinh: 1975
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Tài chính Kế toán, Quản trị Kinh doanh)
- ◇ Quá trình công tác:
04/2016 - 04/2017
Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN
04/2017 - 09/2020
Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN
10/2020 - nay
Thành viên HĐQT, VISSAN



Ông LÊ MINH TUẤN
Thành viên hội đồng quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1968
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật
Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp
- ◇ Quá trình công tác:
Từ 02/2013 - 02/2018
Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài chính, SATRA
Từ 2/2018 - 6/2020
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
Từ 6/2020 đến nay
Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẼN VISSAN

KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY
VISSAN 50 NĂM - SÁNG MÃI THƯƠNG HIỆU VIỆT
20/11/1970 - 20/11/2020

VISSAN
SỨC SỐNG MỖI NGÀY

VISSAN
50
TỪ NĂM 1970
SÁNG MÃI THƯƠNG HIỆU VIỆT



»»»» DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH ««««



Ông NGUYỄN NGỌC AN

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1963
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị
Kinh doanh (MBA)
Kỹ sư Cơ khí
Cử nhân Anh Văn
- ◇ Quá trình công tác:
2006 – 2008
Phó Giám đốc, VISSAN
2009 – 04/2016
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
05/2016 – 03/2017
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
04/2017 – 01/2020
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VISSAN

Ông NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

Phó Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1966
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Cơ khí
- ◇ Quá trình công tác:
09/2008 – 07/2016
Phó Giám đốc, Công ty Quản lý và Kinh
doanh chợ Bình Điền
07/2016 – nay
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

Ông LÊ MINH TUẤN

Thành viên HĐQT kiêm

Phó Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1968
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật
Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp
- ◇ Quá trình công tác:
Từ 02/2013 - 02/2018
Phó Giám đốc Kế hoạch và đầu tư tài, SATRA
Từ 2/2018 - 6/2020
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN
Từ 6/2020 - nay
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

Ông PHAN VĂN DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

- ◇ Ngày sinh: 1971
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA)
- ◇ Quá trình công tác:
11/2009 – 09/2012
Trưởng phòng Thị trường, VISSAN
10/2012 - 12/2017
Trưởng phòng kinh doanh thực phẩm
chế biến, VISSAN
01/2018 – nay
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

»»»» DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH <<<<



Ông **TRƯƠNG HẢI HƯNG**
Phó Tổng Giám đốc

Bà **ĐỖ THỊ THU THỦY**
Kế toán trưởng

Ông **TRƯƠNG VIỆT TIẾN**
Trưởng Ban kiểm soát

Ông **TÔ QUỐC THÁI**
Kiểm soát viên

Bà **PHẠM THỊ THANH TÂM**
Kiểm soát viên

- ◇ Ngày sinh: 1971
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hoá Thực phẩm
- ◇ Quá trình công tác:
04/2005 – 03/2011
Phó quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN
04/2011 - 12/2019
Quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm, VISSAN
01/2020 đến nay
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

- ◇ Ngày sinh: 1976
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kế toán
- ◇ Quá trình công tác:
08/2013 - 09/2020:
Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, VISSAN
10/2020- nay
Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính- Kế toán, VISSAN

- ◇ Ngày sinh: 1983
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
Cử nhân Tin học kế toán
- ◇ Quá trình công tác:
04/2019 – nay
Trưởng Ban Kiểm soát, VISSAN

- ◇ Ngày sinh: 1980
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Cử nhân Luật kinh tế
- ◇ Quá trình công tác:
04/2019 – nay
Thành viên Ban Kiểm soát, VISSAN

- ◇ Ngày sinh: 1982
- ◇ Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán, kiểm toán
- ◇ Quá trình công tác:
04/2018 – nay
Thành viên Ban Kiểm soát VISSAN

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT,

BKS, BTGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG



STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Công Tuấn Hạ	Thành viên HĐQT	11/4/2019	18/6/2020
2	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	18/6/2020	
3	Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2020	
4	Ông Huỳnh Quang Giàu	Kế toán trưởng		01/10/2020
5	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	01/10/2020	



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN



STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	661	15,57
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	574	13,52
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	1.790	42,16
4	Lao động phổ thông	1.221	28,76
II	Theo giới tính		
1	Nam	2.324	54,73
2	Nữ	1.922	45,27
III	Theo thời hạn HĐLĐ		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	270	6,36
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	472	11,12
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	3.504	82,52
	Tổng cộng	4.246	100,00

Bên cạnh việc chi trả tiền lương, tiền thưởng công ty còn chi trả thêm các khoản phụ cấp cho NLĐ như: hỗ trợ bữa ăn giữa ca, tiền xăng xe, điện thoại, quà tặng sinh nhật - hiếu hỷ - ma chay, các chuyến du lịch hằng năm, chương trình teambuilding, khám sức khỏe định kỳ. NLĐ còn được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp thu hút theo quy định của công ty.

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Mục tiêu hàng đầu là thực hiện triển khai các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định của pháp luật. Đồng thời hỗ trợ kinh phí cho Người lao động tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn bậc Đại học/ Cao học. Công ty đã tổ chức đào tạo cho 3.390 lượt người, với tổng kinh phí là 1,56 tỷ đồng.

Về chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Người lao động trong công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và bảo hiểm sức khỏe (được thanh toán toàn bộ chi phí khi điều trị). Thực hiện việc huấn luyện về ATLĐ tại công ty theo định kỳ; kiểm tra việc chấp hành ATLĐ - VSLĐ. Cấp phát trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho tất cả Người lao động khi làm việc tại các đơn vị trực tiếp sản xuất.

Về Chính sách an toàn, bảo hộ lao động



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,70	1,71
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,00	0,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,47	45,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	90,38	82,96
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,25	6,69
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	2,40	2,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,21	3,59
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,67	16,69
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,71	9,12
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,99	4,52

• Về khả năng thanh toán

Nhìn chung, chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty không biến động nhiều. Theo đó, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,70 lần bằng xấp xỉ so với năm 2019. Đáng lưu ý là hệ số thanh toán nhanh của Công ty tăng từ 0,92 năm 2019 lên 1,00 năm 2020. Nguyên nhân, năm 2020 Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ hàng tồn kho với số dư tồn kho tăng thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, nhằm tăng cường tính thanh khoản.

• Về cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 47,47% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu 90,38%. Công ty VISSAN kiểm soát cơ cấu Nợ thấp hơn Vốn chủ sở hữu nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính.



• Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 6,69 vòng năm 2019 giảm còn 6,25 vòng năm 2020. Đứng trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 dẫn đến sức mua của người tiêu dùng giảm và dịch tả lợn Châu Phi dẫn đến nguồn cung heo hơi đầu vào thiếu hụt, Công ty VISSAN đã triển khai nhiều biện pháp nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu dùng và hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng tiêu cực của tình hình trên trong năm 2020

Hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản giảm từ 2,54 vòng năm 2019 xuống còn 2,4 vòng năm 2020. Đứng trước ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình dịch Covid-19 và dịch tả lợn Châu Phi, công ty đã chủ động điều tiết nâng cao số dư Tiền và các khoản tương đương tiền nhằm tăng cường khả năng thanh khoản phục vụ sản xuất kinh doanh và ứng phó tốt hơn với tình hình trên, nên đã dẫn đến Tổng tài sản có tốc độ tăng cao hơn so với tốc độ tăng của Doanh thu thuần.

• Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2020 thấp hơn so với năm 2019 chủ yếu do tốc độ tăng doanh thu bán hàng thấp hơn tốc độ tăng giá vốn hàng bán đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế đạt được năm 2020 thấp hơn so với năm trước. Mặc dù doanh thu bán hàng tăng 3,4%, tuy nhiên Giá vốn hàng bán tăng mạnh đến 5,2%. Nguyên nhân chủ yếu do giá mua nguyên liệu chính đầu vào, cụ thể là giá heo hơi năm 2020 tăng hơn 64% so với năm 2019, trong khi giá bán thịt theo năm 2020 (một trong những sản phẩm chủ lực của công ty) chỉ tăng bình quân 44% so với cùng kỳ năm 2019.

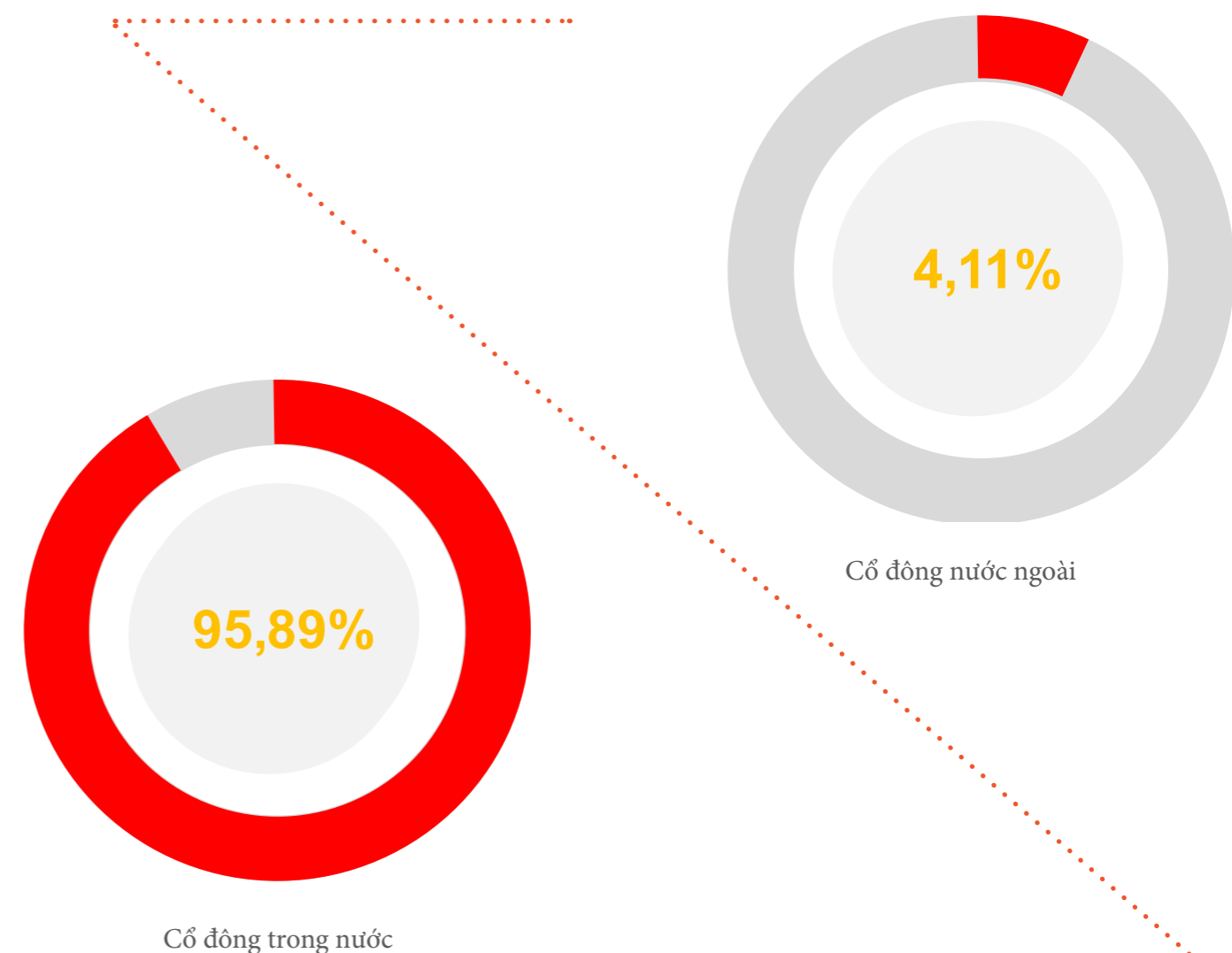
TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 80.914.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 80.913.700 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 600 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số Cổ đông	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I Cổ đông nước ngoài				
1	Cá nhân	15	22.620	0,03%
2	Tổ chức	3	3.301.600	4,08%
II Cổ đông trong nước				
1	Cá nhân	1.101	2.450.658	3,03%
2	Tổ chức	10	75.138.822	92,86%
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (1)	1.129	80.913.700	100,00%
	Cổ phiếu quỹ: (2)	1	600	0,00%
3	Số lượng cổ phiếu đã phát hành (1)+(2)	1.130	80.914.300	100,00%



Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Tên cổ đông	Số Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I Tổ chức			
		75.009.904	92,70%
1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn- TNHH MTV	54.829.878	67,76%
2	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	20.180.026	24,94%
II Cá nhân			
		0	0



Sức Sống Mỗi Ngày

LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỮA NG MÃI THƯƠNG HIỆU

TP. HỒ CHÍ MINH, 18/11/2020

năm



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Công tác phát triển sản phẩm mới
- ✓ Công tác thị trường, phát triển thương hiệu
- ✓ Công tác quản trị, nhân sự
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

Trước tình hình dịch COVID-19 bùng phát mạnh trong năm, người tiêu dùng có xu hướng mua các loại thực phẩm có thời gian sử dụng lâu dài đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành hàng thực phẩm chế biến của Công ty. Điều này cũng giúp cho VISSAN nhận được sự quan tâm, biết đến nhiều hơn của người tiêu dùng tại các kênh bán hàng.



KHÓ KHĂN

Bên cạnh những thuận lợi, VISSAN cũng gặp không ít khó khăn do đại dịch COVID-19 mang lại, cùng với dịch tả heo Châu Phi (ASF) kéo dài từ cuối năm 2019 đến nay đã khiến cho giá heo hơi trong nước tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng cao do có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt. Mặt khác, tỷ giá hối đoái với nhiều biến động ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty.

Trước tình hình đó, VISSAN đã nỗ lực không ngừng thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động một cách tối ưu nhất cho Công ty và đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

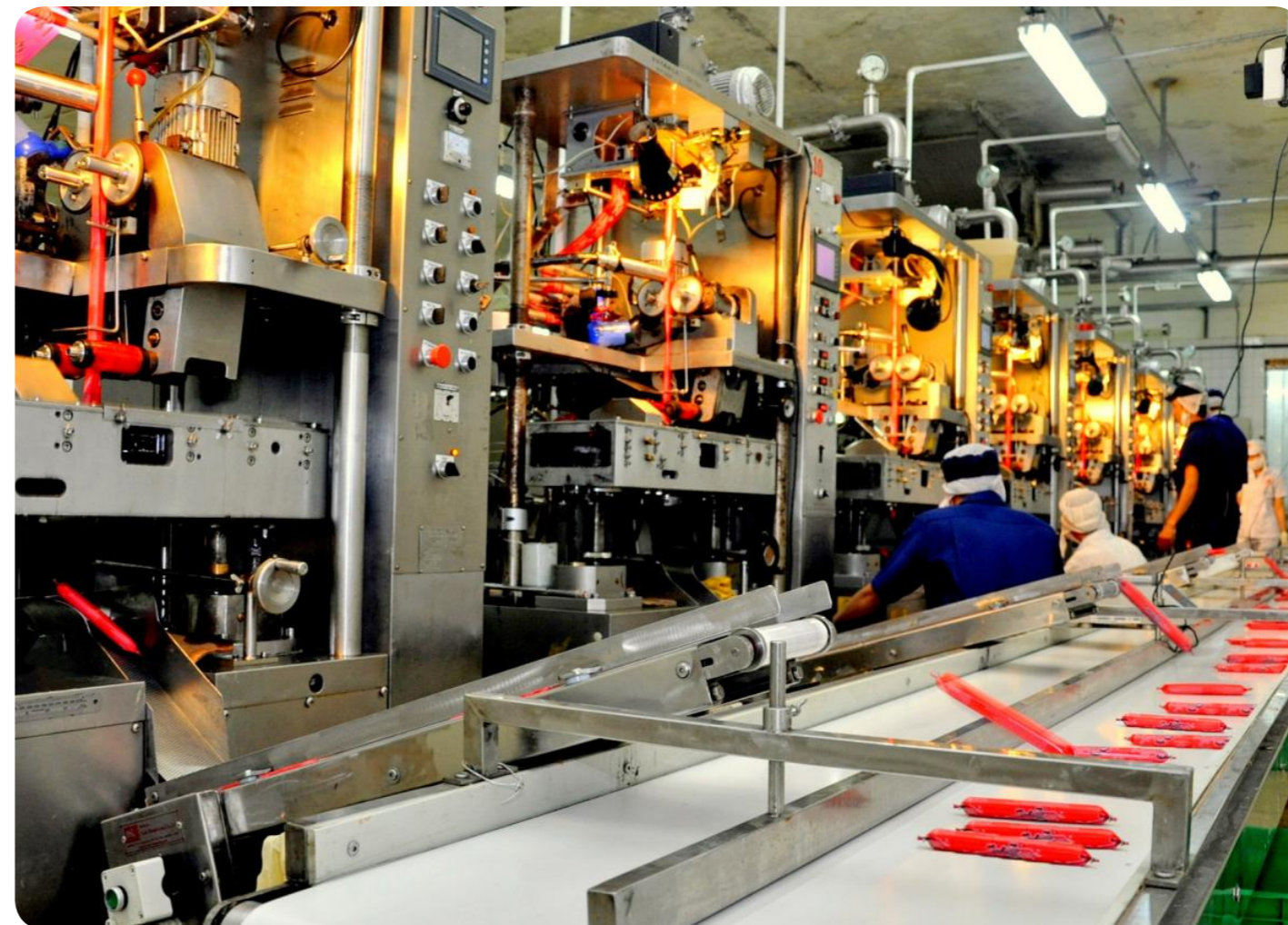
- Tổng doanh thu: 5.169 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 205 tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường bán lẻ của Việt Nam trong những năm gần đây đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cả về sản phẩm lẫn thương hiệu trong và ngoài nước. Với quyết tâm không để sản phẩm VISSAN đứng bên ngoài và bị bỏ lại phía sau, VISSAN đã hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra trong năm như sau:

◇ **Về sản phẩm:** VISSAN đa dạng hóa các loại sản phẩm để có thể mang sản phẩm của mình đến gần tới người tiêu dùng một cách nhanh nhất. Hiện tại, sản phẩm của VISSAN gồm hai mảng chính là thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến. Không chỉ đa dạng về chủng loại và bao bì sản phẩm, VISSAN còn tự tin về chất lượng của mỗi sản phẩm bán ra. Hiện nay, VISSAN đang áp dụng các tiêu chuẩn sau đây trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp:



- **Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng** phù hợp với các yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015, Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn HACCP, Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của TCVN ISO 22000:2018.

- **Hệ Thống Quản Lý Môi Trường** tuân thủ các yêu cầu của TCVN ISO 14001:2015

- **Phòng thí nghiệm** Công ty được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017.

◇ **Về hệ thống phân phối:** VISSAN tiếp tục đưa hàng hóa và mở rộng diện tích trưng bày sản phẩm tại các cửa hàng tiện lợi, siêu thị,... và tăng cường độ phủ tại kênh truyền thống.

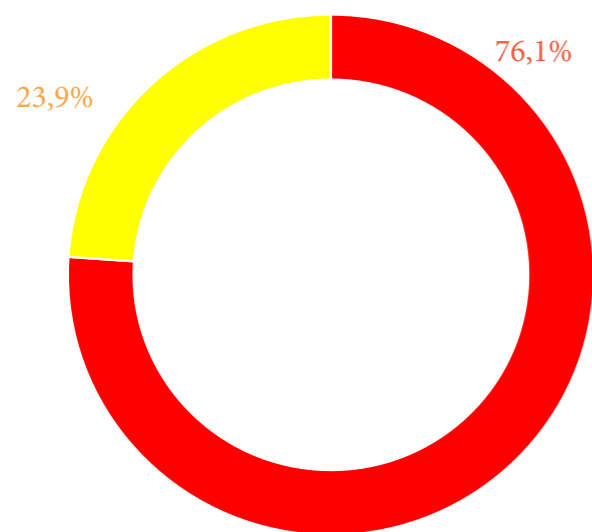
◇ **Về đối thủ cạnh tranh cùng ngành:** Công ty thực hiện linh hoạt các chương trình khuyến mãi để cạnh tranh và tăng sức bán hàng như tặng kèm hoặc giảm giá, nhắm đến tính thiết thực, kinh tế, tiết kiệm cho người tiêu dùng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng giảm 2020 so với 2019	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2019
Tài sản ngắn hạn	1.632	1.424	14,6%	76,1%	72,8%
Tài sản dài hạn	511	532	-3,9%	23,9%	27,2%
Tổng tài sản	2.143	1.956	9,6%	100%	100%



Cơ cấu tài sản năm 2020

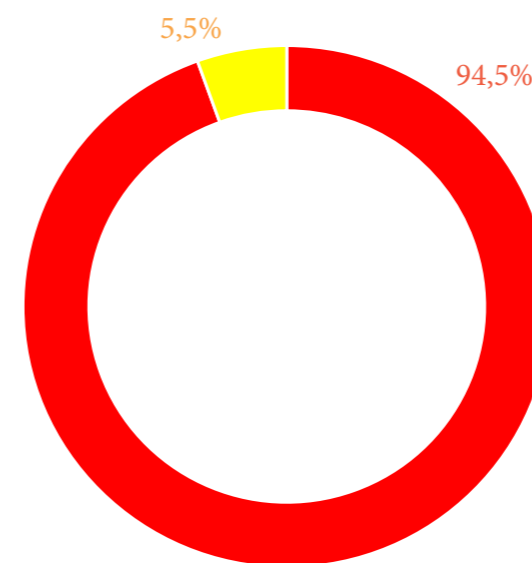
- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của Công ty đạt 2.143 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 76,1% đạt 1.632 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu ở khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền. Trước những biến động thị trường trong năm vừa qua, công ty chủ động điều tiết nâng cao số dư Tiền và các khoản tương đương tiền nhằm tăng cường khả năng thanh khoản, phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm qua cũng như trong tương lai gần.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng giảm 2020 so với 2019	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2019
Nợ ngắn hạn	961	833	15,4%	94,5%	94,0%
Nợ dài hạn	56	54	4,5%	5,5%	6,0%
Tổng nợ phải trả	1.017	887	14,7%	100%	100%



Cơ cấu nợ phải trả năm 2020

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn

Nợ ngắn hạn của Công ty đạt 961 tỷ đồng tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2019 do Công ty đã nâng cao khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Tỷ trọng nợ ngắn hạn của công ty chiếm 94,5% trong tổng nợ, do Công ty tận dụng nguồn vốn có chi phí sử dụng vốn thấp để tài trợ cho các hoạt động sản xuất nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ổn định.



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Trong năm 2020, Công ty tập trung nghiên cứu thành công, tung ra thị trường 16 sản phẩm mới các loại như: 10 sản phẩm thịt tẩm ướp, Bò viên 3 ngon, Há cảo thanh long, Há cảo gấc, Há cảo bí đỏ, Chà giò nấm ngũ vị, Xúc xích tiết trùng Boom Boom 20gr. Các sản phẩm nêu trên đã được giới thiệu rộng rãi tại các kênh phân phối, phục vụ cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, góp phần tăng sản lượng thực phẩm chế biến của Công ty.

Bên cạnh việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Công ty đã thực hiện cải tiến thành công 12 sản phẩm hiện hữu ở hầu hết các nhóm hàng thuộc ngành hàng thực phẩm chế biến như: Xúc xích tiết trùng, Thịt nguội, Đồ hộp, Lạp xưởng,... Công ty thực hiện nâng cấp bao bì một số sản phẩm: đồ hộp từ sử dụng lon thường sang lon in,... Các sản phẩm sau khi được cải tiến đã được đưa vào sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, phục vụ tốt hơn cho người tiêu dùng.



CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU



VISSAN thực hiện các chương trình truyền thông tại điểm bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng đại lý... góp phần quảng bá thương hiệu VISSAN, giúp khách hàng tiếp cận và cảm nhận tốt nhất về sản phẩm đang kinh doanh của Công ty. Tại kênh bán hàng hiện đại (MT), thực hiện các chương trình trưng bày, trang trí hình ảnh đẹp mắt và vui nhộn dịp Tết Nguyên Đán, Tết thiếu nhi,... Tại kênh bán hàng truyền thống (GT), thực hiện các chương trình như: trưng bày Lạp xưởng, Xúc xích tiết trùng; chương trình Thần tài gõ cửa, múa lân khai trương đầu năm mới; chương trình hỗ trợ quảng bá nhóm hàng đông lạnh cho các Nhà phân phối,...

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Đồng thời, VISSAN thực hiện mở rộng thị trường trên nhiều kênh bán hàng để kinh doanh tốt hơn, tận dụng nhu cầu mua sắm trực tuyến của người dân tăng cao trong giai đoạn Covid-19 và phù hợp với xu hướng mua sắm trong tương lai. Công ty đã đẩy mạnh kinh doanh Online thông qua mở website bán hàng trực tuyến, liên kết với các trang thương mại điện tử,...

Tham gia thực hiện các chương trình quảng bá thương hiệu VISSAN thông qua các kênh truyền thông uy tín như: đài truyền hình (VTV, HTV, InfoTV, VTC,...), các tờ báo uy tín (Thanh niên, Người lao động, Tuổi trẻ, Sài Gòn giải phóng, Đầu tư chứng khoán, VnExpress,...), thực hiện các chương trình truyền thông cung cấp thông tin sự kiện của Công ty như: Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, VISSAN - 50 năm sáng mãi thương hiệu Việt, các chương trình khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm mới,... Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện sản xuất, cập nhật và quảng bá các video clip, hình ảnh về sự kiện nổi bật của Công ty lên phương tiện truyền thông xã hội.



Triển khai sản xuất, làm mới phim giới thiệu Công ty, Catalogue ngành hàng thực phẩm tươi sống,... nhằm quảng bá hình ảnh sản phẩm, định vị, củng cố thương hiệu VISSAN trong lòng khách hàng; giúp người xem hiểu rõ hơn về tầm nhìn sứ mệnh, nguồn lực, tiềm năng phát triển của Công ty.

Thực hiện đăng ký, chứng minh năng lực để Công ty đạt được trên 10 giải thưởng hoặc danh hiệu danh giá nhất trong ngành thực phẩm, qua đó khẳng định vị thế của VISSAN, góp phần truyền thông, quảng bá thương hiệu sản phẩm và thương hiệu VISSAN tốt hơn.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, NHÂN SỰ

01

Công ty đã triển khai hoàn tất và áp dụng nhiều giải pháp công nghệ thông tin nhằm tăng cường năng lực quản trị như: phần mềm quản lý hệ thống phân phối (DMS One) trên toàn quốc; phần hệ bán hàng phần mềm FAST; phần mềm quản lý công việc Wework; hóa đơn điện tử; tích hợp ví điện tử Momo; hệ thống quản lý quầy thịt tươi sống; báo cáo thông minh (BI); máy chấm công;...

02

Hoàn thành rà soát, chuyển đổi phương thức quản lý, hình thức trả lương thưởng nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập, chế độ chính sách của người lao động theo đúng quy định Công ty và pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ bán hàng trực tiếp kênh bán hàng truyền thống (GT).

03

Tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện định mức, định biên lao động, khoán đơn giá sản phẩm, giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty.

04

Thực hiện công tác quy hoạch, bổ sung nguồn quy hoạch cán bộ cấp trung, bổ nhiệm và điều động 25 cán bộ cấp trưởng, phó đơn vị trong nguồn quy hoạch của Công ty. Thực hiện tuyển dụng trên 550 lượt lao động và gần 20 lao động thời vụ Tết đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Khép lại năm 2020 đầy khó khăn và thách thức, toàn thể thành viên VISSAN quyết tâm nỗ lực hết sức để hoàn thành kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2021 như sau:

»»»» Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 ««««



Tiếp tục triển khai giải pháp phòng chống dịch COVID-19 lây lan trong Công ty và phát triển sản xuất kinh doanh.



Ổn định nguồn nguyên liệu trong sản xuất kinh doanh.



Duy trì chương trình kiểm soát và giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động.



Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường phục vụ công tác quản trị Công ty.



Thúc đẩy công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng sự cạnh tranh ngày càng cao trong ngành hàng thịt tươi sống và thực phẩm chế biến.



Tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng dự án “Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN” tại Long An.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Với kết quả đạt được trong năm vừa qua, VISSAN quyết tâm đạt được kết quả sản xuất kinh doanh với mục tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% So cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.168.538	5.100.000	99%
2	Mặt hàng bán ra chủ yếu				
2.1	Thịt heo các loại	Tấn	17.475	17.475	100%
2.2	Thịt bò	Tấn	1.077	1.077	100%
2.3	Thực phẩm chế biến	Tấn	28.021	30.350	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	204.926	180.000	88%
3.1	Từ sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	190.222	180.000	95%
3.2	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm phí thuê mặt bằng giai đoạn 2016- 2019	Triệu đồng	14.704		



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
- ✓ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- ✓ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020



Năm 2020, VISSAN cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với tổng doanh thu đạt 5.169 tỷ đồng, vượt 1,3% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 205 tỷ đồng, vượt 13,8% so với kế hoạch.

Thành quả có được là nhờ sự đồng tâm hợp lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cùng toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của mình trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và dịch tả heo Châu Phi có diễn biến phức tạp.

Mặc dù ngành hàng tươi sống sụt giảm sản lượng nhưng Công ty đã kịp thời bù đắp bằng việc đẩy mạnh ngành hàng chế biến. Động thái đúng đắn này đã giúp kết quả kinh doanh năm 2020 vượt chỉ tiêu đề ra.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hiện có 02/05 thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên đầy đủ, cụ thể:

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- ◇ Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên trong Ban Điều hành luôn chứng minh được năng lực, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT
- ◇ Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- ◇ Tổng Giám đốc báo cáo tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty.
- ◇ Nhìn chung, tập thể Ban điều hành Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc,... làm định hướng phát triển trọng tâm chiến lược; giữ vững uy tín và vị thế của nhà cung cấp thực phẩm hàng đầu hiện nay.
- Đầu tư trang, thiết bị nhằm cải thiện phẩm chất, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Tăng cường chiến lược sử dụng thịt mát cho cả ngành thực phẩm tươi sống phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại.
- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp đối với đội ngũ quản lý tại Công ty, tiếp tục áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến cho việc quản trị Công ty.
- Đẩy mạnh việc triển khai thi công các hạng mục thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan nhằm hoàn thành đúng tiến độ đề ra, nhanh chóng đưa nhà máy sớm đi vào hoạt động.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- ✓ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- ✓ Ban Kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch	28/05/2016	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch	28/05/2016	
3	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch	28/05/2016	
4	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên	05/04/2017	
5	Ông Phạm Công Tuấn Hạ	Thành viên	11/04/2019	18/06/2020
6	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	18/06/2020	

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch	4/4	100%	
3	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch	3/4	75%	Bận công tác (có ủy quyền tham dự)
4	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên	4/4	100%	
5	Ông Phạm Công Tuấn Hạ	Thành viên	1/2	50%	Bận công tác (có ủy quyền tham dự)
6	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	2/2	100%	

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
			Thông qua các nội dung sau: (1) Thống nhất ghi nhận dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và chỉ tiêu phát triển năm 2020; (2) Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020; (3) Chấp thuận điều chỉnh thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư của dự án di dời Nhà máy Vissan. Chấp thuận chủ trương lập phương án sử dụng khu đất 3,5 ha tại khu công nghiệp Tân Tạo. (4) Thống nhất chủ trương tiếp tục tham gia chương trình bình ổn mặt hàng thịt heo năm 2020 – Tết Tân Sửu năm 2021 (5) Thống nhất chủ trương khảo sát, tìm địa điểm mới để di dời Xí nghiệp chăn nuôi Bình Thuận.
1	504/NQHĐQT-CTY	16/01/2020	
2	494/NQHĐQT-CTY	06/02/2020	Về việc Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
3	547/NQHĐQT-CTY	13/02/2020	Chấp thuận chủ trương tổ chức lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường Công trình Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm Vissan tại Long An
4	680/NQHĐQT-CTY	20/02/2020	Chấp thuận ký phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian vay vốn tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng Vietinbank và Vietcombank
5	840/NQHĐQT-CTY	04/03/2020	Chấp thuận chủ trương thuê tư vấn thiết kế công nghệ, tư vấn thẩm định giá Dây chuyền giết mổ heo

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
6	1259/NQHĐQT-CTY	30/03/2020	Chấp thuận gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
7	1529/NQHĐQT-CTY	16/04/2020	Phê duyệt đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo, sửa chữa kho chế biến khô của Khu trữ lạnh”
8	1530/NQHĐQT-CTY	16/04/2020	Phê duyệt đầu tư “Máy vô hũ xúc xích tiết trùng tự động”
9	1560/NQHĐQT-CTY	17/04/2020	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 7) thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.
10	1895/NQHĐQT-CTY	05/05/2020	Chấp thuận chủ trương di dời 01 dây chuyền giết mổ bò
11	1896/NQHĐQT-CTY	05/05/2020	Phê duyệt lại kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
12	2115/NQHĐQT-CTY	19/05/2020	Chấp thuận chủ trương sửa chữa cầu sắt (nhánh đi vào công ty Vissan)
13	2182/NQHĐQT-CTY	22/05/2020	Phê duyệt đầu tư “Máy chặt thịt đông lạnh”
14	2183/NQHĐQT-CTY	22/05/2020	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 8) thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.
15	3515/NQHĐQT-CTY	02/06/2020	Để có cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT thông qua các nội dung sau: (1) Thống nhất kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
			(2) Thống nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020-2024
			(3) Thông qua trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2019, phương án phân phối lợi nhuận năm kế hoạch 2020 và mức tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020;
			(4) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020;
15	3515/NQHĐQT-CTY	02/06/2020	(5) Thống nhất mức lương đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2020;
			(6) Thống nhất với đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
			(7) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
			(8) Thống nhất thông qua báo cáo tiến độ thực hiện dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
16	2356/NQHĐQT-CTY	03/06/2020	Chấp thuận tổ chức bán đấu giá thanh lý lô cây cao su.
17	2357/NQHĐQT-CTY	03/06/2020	Chấp thuận vay vốn tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng Vietinbank và Vietcombank
18	2378/NQHĐQT-CTY	04/06/2020	Chấp thuận ký phụ lục hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp Tân Tạo
19	3516/NQHĐQT-CTY	18/06/2020	Thông nhất bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024
20	3082/NQHĐQT-CTY	29/06/2020	Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao, lao động bình quân thực hiện năm 2019
21	3279/NQHĐQT-VISSAN	06/07/2020	Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư thiết bị “Máy cưa mảnh heo”
22	3403/NQHĐQT-VISSAN	17/07/2020	Chấp thuận thay đổi tên gọi, tên viết tắt Chi nhánh công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản
23	3404/NQHĐQT-VISSAN	17/07/2020	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019
24	3652/NQHĐQT-VISSAN	27/07/2020	Chấp thuận thông qua “Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất tại Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản”
25	3787/NQHĐQT-VISSAN	07/08/2020	Tạm ngưng thực hiện gói thầu số 18 “Thi công phần hạ tầng kỹ thuật” Công trình Cụm CN chế biến thực phẩm Vissan.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
26	4031/NQHĐQT-VISSAN	25/08/2020	Phê duyệt đầu tư “Hệ thống rửa xúc xích tiết trùng”
27	4032/NQHĐQT-VISSAN	25/08/2020	Phê duyệt đầu tư “Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn cột B”
28	4245/NQHĐQT-VISSAN	07/09/2020	Phê duyệt phương án lao động, tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020
29	4246/NQHĐQT-VISSAN	07/09/2020	Phê duyệt đầu tư “Mua sắm xe ô tô”
30	4429/NQHĐQT-VISSAN	25/09/2020	Phê duyệt Quy chế quản lý dự án đầu tư phát triển
31	4431/NQHĐQT-VISSAN	25/09/2020	Phê duyệt thay đổi cơ cấu nguồn vốn hạng mục “Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn cột B”
32	4523/NQHĐQT-VISSAN	29/09/2020	Thay đổi nhân sự giữ chức vụ Kế toán trưởng
33	4607/NQHĐQT-VISSAN	05/10/2020	Phê duyệt thay đổi cơ cấu nguồn vốn một số hạng mục thuộc kế hoạch đầu tư năm 2020 và lựa chọn ngân hàng cấp tín dụng đầu tư “Phương án mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
34	4629/NQHĐQT-VISSAN	06/10/2020	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
35	4644/NQHĐQT-VISSAN	06/10/2020	Phê duyệt đầu tư công trình “Kho trữ đông 50 tấn tại Nhà máy chế biến thực phẩm Vissan – Bắc Ninh”

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT			
36	4841/NQHĐQT-VISSAN	16/10/2020	Thông qua kết quả lấy ý kiến về việc giao Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện thẩm định và quyết toán các dự án hoàn thành có tổng mức đầu tư từ trên 1 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng
37	5607/NQHĐQT-VISSAN	27/10/2020	Thông qua các nội dung sau: (1) Giao Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tiền lương, kế hoạch ngân sách năm 2021. (2) Thông qua kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý công ty năm 2019 (3) Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị.
38	5339/NQHĐQT-VISSAN	16/11/2020	Phê duyệt đầu tư dự án “Nâng cấp máy chủ AX”
39	5711/NQHĐQT-VISSAN	10/12/2020	Phê duyệt thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
40	6011/NQHĐQT-VISSAN	31/12/2020	Không chấp thuận đầu tư Công trình Cải tạo, sửa chữa nền, làm mái che kho lạnh, khu vực tập kết xuất hàng và dự án Cùm kho trữ đông, trữ mát, phòng đệm xuất hàng
II. Quyết định HĐQT			
1	496/QĐHĐQT-CTY	06/02/2020	Về việc thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2	1577/QĐHĐQT-CTY	17/04/2020	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 7) thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
II. Quyết định HĐQT			
3	2184/QĐHĐQT-CTY	22/05/2020	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 8) thuộc dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.
4	3405/QĐHĐQT-CTY	17/07/2020	Thay đổi tên gọi, tên viết tắt Chi nhánh Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản
5	4430/QĐHĐQT-CTY	25/09/2020	Ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư phát triển
6	4524/QĐHĐQT-CTY	29/09/2020	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Huỳnh Quang Giàu, hiệu lực từ 01/10/2020
7	4525/QĐHĐQT-CTY	29/09/2020	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với bà Đỗ Thị Thu Thủy, hiệu lực từ 01/10/2020
8	4630/QĐHĐQT-CTY	06/10/2020	Thành lập Ban Kiểm phiếu và Ban Giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
9	5107/QĐHĐQT-CTY	31/10/2020	Thay đổi nhân sự Ban Thanh lý tài sản cố định

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc, Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Tô Quốc Thái	Kiểm soát viên
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Việt Tiến	4/4	100%	100%	
2	Ông Tô Quốc Thái	4/4	100%	100%	
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	4/4	100%	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Kết quả giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2020, qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị Công ty của Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành bảo đảm tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra để ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Trên cơ sở các chi tiêu kế hoạch, nội dung công việc đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.
- Định kỳ tổ chức giao ban toàn Công ty và họp với phụ trách từng đơn vị để rà soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

Đối với cổ đông

Đối với cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện đúng theo nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đã đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát đã chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Ban Kiểm soát cũng đồng thời nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
I Hội đồng quản trị					
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch	0,00%	18,08%	81,92%
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch	78,36%	9,58%	12,06%
3	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch			
4	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên	71,83%	10,76%	17,41%
5	Ông Phạm Công Tuấn Hạ (*)	Thành viên	0,00%	29,16%	70,84%
6	Ông Lê Minh Tuấn (**)	Thành viên HĐQT	87,11%	5,13%	7,77%

(*) Ông Phạm Công Tuấn Hạ: Miễn nhiệm 18/06/2020

(**) Ông Lê Minh Tuấn: Bổ nhiệm 18/06/2020

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
II Ban kiểm soát					
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng ban	95,92%	4,08%	0,00%
2	Ông Tô Quốc Thái	Kiểm soát viên	0,00%	13,76%	86,24%
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	0,00%	18,08%	81,92%
III Ban điều hành					
1	Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc	78,36%	9,58%	12,06%
2	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	94,44%	5,56%	0,00%
3	Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	91,89%	8,11%	0,00%
4	Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	87,11%	5,13%	7,77%
5	Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	100,00%	0,00%	0,00%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✔ Trách nhiệm đối với nguyên vật liệu
- ✔ Trách nhiệm với môi trường
- ✔ Trách nhiệm đối với người lao động
- ✔ Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGUYÊN VẬT LIỆU

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:



- ◇ Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, chủ động tìm kiếm nguyên liệu và thương lượng giá nguồn nguyên liệu.
- ◇ Công ty luôn lựa chọn nhiều nhà cung cấp heo hơi uy tín để hạn chế rủi ro do phụ thuộc vào một nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và duy trì được mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp có uy tín để hạn chế được rủi ro nguồn hàng và giá khi có biến động lớn xảy ra đối với nguyên vật liệu. Song song đó, Công ty cũng ký các hợp đồng kỳ hạn có thời gian nhất định và tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá cả thấp nhưng chất lượng được đảm bảo.
- ◇ Lên kế hoạch sản xuất để dự tính mức hàng tồn kho phù hợp. Tồn kho vật tư được theo dõi chặt chẽ, xây dựng biện pháp quản lý tồn kho hiệu quả, giảm chi phí tồn kho, hao hụt vật tư.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Tiêu thụ nước:

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Chính vì vậy, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường, Các nước thải, chất thải trong quá trình sản xuất đều được VISSAN xử lý đúng quy trình theo quy định của Pháp luật trước khi thải ra môi trường đảm bảo rằng chất lượng môi trường tại Công ty luôn ở mức tốt và không gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường khu vực xung quanh.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất chế biến, v.v... Công ty đã đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý mùi, bụi, khí thải và đang hoạt động ổn định, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại và chất lượng nước thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Đồng thời, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CB - CNV trong Công ty. Từ nhận thức và hành động thực tiễn đã giúp Công ty không bị xử phạt về môi trường.

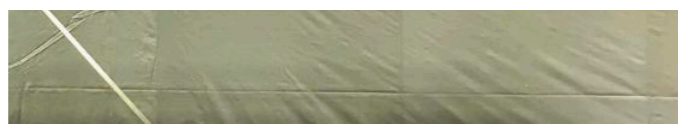


TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Từ những bước đi đầu tiên khi mới thành lập Công ty, VISSAN vẫn luôn nhận thức rằng “Con người là chìa khóa của thành công”, là nền tảng tất yếu quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Mặc dù tình hình dịch COVID-19 ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của VISSAN nhưng Công ty vẫn luôn bảo đảm cho cán bộ công nhân viên có đời sống vật chất ổn định, ngày càng cải thiện. Bên cạnh việc xây dựng hệ thống lương bảng phù hợp với từng vị trí công việc, VISSAN cũng đã áp dụng chính sách khen thưởng hợp lý, mọi đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Công ty đều phải được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng xứng đáng.



Một số hoạt động trong năm 2020

- ◇ Vào ngày 15/6/2020, Giải bóng đá khối văn phòng năm 2020 do Chi đoàn Khối kinh doanh văn phòng tổ chức đã chính thức khai mạc tại sân bóng đá mini công ty VISSAN. Đây là hoạt động thể thao lành mạnh cho các cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe, là cầu nối để các phòng ban thuộc khối văn phòng gặp gỡ, giao lưu với nhau và cùng các hoạt động tập thể khác vào các dịp như 8/3, 20/10,...
- ◇ Ngày 25 tháng 08 năm 2020, VISSAN đã mở ra các lớp cảm tình đoàn với hơn 60 đoàn viên ưu tú tham dự nhằm bồi dưỡng kiến thức về công tác Đoàn cũng như là bộ phóng cho các ước mơ, hoài bão lớn của tuổi trẻ trong các bạn thanh niên.
- ◇ Vào tháng 10/2020, chương trình họp mặt “Gia đình công nhân ba thế hệ năm 2020” tại Trụ sở cơ quan Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tuyên dương các gia đình có ít nhất ba thế hệ tham gia cùng ngành nghề, lĩnh vực. Chương trình này nhằm tuyên dương, khẳng định những gia đình là nhân lực quý báu, góp phần xây dựng và phát triển nguồn lực Công ty.
- ◇ Ngoài ra, VISSAN đã tổ chức các cuộc thi cho toàn thể người lao động Công ty tham gia như: Hội thi nấu ăn với chủ đề “Bữa cơm gia đình” để chào mừng 90 năm Ngày Phụ nữ Việt Nam và Hội thi ẩm thực- hội thao- văn nghệ kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty VISSAN.
- ◇ Bên cạnh đó, việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV đều VISSAN được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Tất cả sự nỗ lực của VISSAN đều với mong muốn cán bộ công nhân viên an tâm công tác, cống hiến hết mình vì sự phát triển của Công ty.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Hoạt động kinh doanh của VISSAN luôn song hành trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Nhiều năm liền, VISSAN luôn nằm trong danh sách những doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất Việt Nam do Tổng Cục Thuế bình chọn.

Với sự chung tay của toàn thể CBCNV, Công ty cũng luôn có những đóng góp, hỗ trợ kịp thời đối với cộng đồng, xã hội thông qua những hành động thiết thực, ý nghĩa.

Vào ngày 07/11 và 08/11/2020: Đoàn công tác VISSAN đã đến thăm và trao tặng hơn 200 triệu đồng và 1,000 phần quà là những sản phẩm thiết yếu cho người dân tại 03 tỉnh Quảng Nam, Hà Tĩnh và Nghệ An.



Ngày 26/12/2020: Công ty VISSAN trao tặng nhà tình thương cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại Tỉnh Bến Tre. Ngoài số tiền hỗ trợ 50 triệu đồng để xây nhà tình thương, Công ty còn trao phần quà cho các gia đình khó khăn khác ở tỉnh.

Ngoài ra, các cán bộ công nhân viên công ty VISSAN đã ủng hộ 350 triệu đồng cho chương trình “Satra Vì Biển Đảo Quê Hương” và cùng với nhiều hoạt động khác.

Với những gì đã đạt được trong năm qua, VISSAN sẽ luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.



A hand holding a gold pen over a calculator with a bar chart overlay.

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ✓ Thông tin chung
- ✓ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Báo cáo kiểm toán độc lập
- ✓ Bảng cân đối kế toán
- ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh
- ✓ Báo cáo luân chuyển tiền tệ
- ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp Số 0300105356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 7 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 40 ngày 20 tháng 4 năm 2018

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
(bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020)	
Ông Phạm Công Tuấn Hạ	Thành viên
(miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020)	

Ban Kiểm soát

Ông Trương Việt Tiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên
Ông Tô Quốc Thái	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở chính

420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sàn ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn vào ngày 15 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM10161
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Trương Phước Lộc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4173-2017-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.631.721.600.242	1.423.738.630.973
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	607.270.519.210	413.688.606.161
111	Tiền		82.370.519.210	88.288.606.161
112	Các khoản tương đương tiền		524.900.000.000	325.400.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		348.668.510.219	344.469.465.736
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	257.033.059.964	303.682.273.521
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.457.033.055	12.269.270.657
136	Phải thu ngắn hạn khác	5(a)	81.583.384.432	29.336.591.100
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(404.967.232)	(818.669.542)
140	Hàng tồn kho	7	668.255.260.171	655.105.249.119
141	Hàng tồn kho		671.432.566.720	657.207.951.690
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.177.306.549)	(2.102.702.571)
150	Tài sản ngắn hạn khác		7.527.310.642	10.475.309.957
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	7.215.585.180	8.428.594.674
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		265.276.262	211.024.723
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	46.449.200	1.835.690.560
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		511.236.456.329	531.799.530.999
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.216.675.000	1.107.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	5(b)	1.216.675.000	1.107.000.000
220	Tài sản cố định		437.192.211.727	455.349.713.915
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	196.422.631.626	202.347.806.194
222	Nguyên giá		483.335.710.851	462.509.916.808
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(286.913.079.225)	(260.162.110.614)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	240.769.580.101	253.001.907.721
228	Nguyên giá		296.627.946.623	295.753.456.623
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(55.858.366.522)	(42.751.548.902)
240	Tài sản dở dang dài hạn		17.838.984.918	15.802.744.626
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	17.838.984.918	15.802.744.626
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.328.606.400	5.512.670.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	4.328.606.400	5.512.670.000
260	Tài sản dài hạn khác		50.659.978.284	54.027.402.458
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	25.732.876.563	27.373.646.805
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	24.927.101.721	26.653.755.653
270	TỔNG TÀI SẢN		2.142.958.056.571	1.955.538.161.972

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.017.311.870.875	886.688.506.850
310	Nợ ngắn hạn		961.223.221.573	833.023.837.570
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	283.522.304.661	342.991.005.829
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		59.884.204.307	83.196.975.428
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	22.849.201.908	34.012.950.299
314	Phải trả người lao động		92.960.465.243	88.793.570.013
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	72.190.680.833	28.731.882.960
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	31.130.228.213	35.784.608.992
320	Vay ngắn hạn	16(a)	342.773.372.578	196.585.542.295
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	55.912.763.830	22.927.301.754
330	Nợ dài hạn		56.088.649.302	53.664.669.280
338	Vay dài hạn	16(b)	28.681.676.927	24.393.322.030
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	27.406.972.375	29.271.347.250
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.125.646.185.696	1.068.849.655.122
410	Vốn chủ sở hữu		1.125.646.185.696	1.068.849.655.122
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	809.143.000.000	809.143.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		809.143.000.000	809.143.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	21	(22.200.000)	(22.200.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	95.293.269.597	68.579.559.022
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	221.232.116.099	191.149.296.100
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		72.082.042.688	30.617.667.320
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		149.150.073.411	160.531.628.780
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.142.958.056.571	1.955.538.161.972


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập

Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.180.910.080.056	5.010.975.557.855
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(37.362.690.448)	(38.411.165.323)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.143.547.389.608	4.972.564.392.532
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(4.137.758.347.704)	(3.931.903.637.691)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.005.789.041.904	1.040.660.754.841
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20.064.202.610	16.889.694.119
22	Chi phí tài chính	(25.807.149.649)	(21.063.555.056)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(13.560.716.976)	(9.913.220.150)
25	Chi phí bán hàng	(642.421.169.461)	(614.054.297.012)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(152.191.558.398)	(197.582.455.070)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	205.433.367.006	224.850.141.822
31	Thu nhập khác	4.926.890.534	3.702.023.093
32	Chi phí khác	(5.434.547.291)	(2.189.008.016)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác	(507.656.757)	1.513.015.077
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	204.925.710.249	226.363.156.899
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(38.048.982.906)	(60.751.234.716)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.726.653.932)	12.728.846.980
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	165.150.073.411	178.340.769.163
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.342

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lậpĐỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	5.331.428.318.498	5.128.854.695.446
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(4.237.653.722.887)	(4.049.626.299.089)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(529.726.214.489)	(487.975.975.001)
04	Tiền lãi vay đã trả	(13.501.996.446)	(9.748.393.914)
05	Thuế TNDN đã nộp	(54.772.821.003)	(58.040.390.120)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.012.933.454	14.987.122.895
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(405.745.499.275)	(438.467.867.305)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	103.040.997.852	99.982.892.912
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác	(39.326.843.458)	(56.178.723.074)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	631.004.736	430.462.706
23	Tiền chi gửi ngân hàng	(20.200.000.000)	-
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng	20.200.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.629.706.760	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	17.562.791.855	16.750.285.958
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(19.503.340.107)	(38.997.974.410)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(22.200.000)
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.742.446.933.359	793.555.317.530
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.591.970.748.179)	(779.023.259.367)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(40.443.450.000)	(40.456.825.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	110.032.735.180	(25.946.966.837)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	193.570.392.925	35.037.951.665
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	413.688.606.161	378.638.372.124
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	11.520.124	12.282.372
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	607.270.519.210	413.688.606.161

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lậpĐỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**
1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 809.143.000.000 đồng. Công ty mẹ là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN theo Quyết định số 630/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở); và
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty bao gồm Trụ sở chính và 9 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan
- Chi nhánh 2 - Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 3 - Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 4 - Nhà máy chế biến thực phẩm Vissan - Bắc Ninh
- Chi nhánh 5 - Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 6 - Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 7 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 8 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận
- Chi nhánh 9 - Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 4.240 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4.878 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU
2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định là giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán và theo dõi hàng tồn kho.

Dự phòng hàng tồn kho được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 30 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Súc vật cho sản phẩm	4 năm
Phần mềm máy tính	3 – 6 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trích lập để đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển Công ty, dùng để bù đắp những thiệt hại trong quá trình hoạt động của Công ty nếu có, do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)****(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

2.19 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 9);
- Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 14);
- Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 18); và
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 19).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	3.658.404.800	7.671.675.000
Tiền gửi ngân hàng	78.666.907.793	79.595.007.377
Tiền đang chuyển	45.206.617	1.021.923.784
Các khoản tương đương tiền (*)	524.900.000.000	325.400.000.000
	<u>607.270.519.210</u>	<u>413.688.606.161</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 3,8%/năm đến 4,0%/năm.

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	81.454.300.732	120.093.306.477
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	42.773.802.818	33.089.611.565
Khác	104.531.662.833	115.246.100.696
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	28.273.293.581	35.253.254.783
	<u>257.033.059.964</u>	<u>303.682.273.521</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 439.054.744 đồng và 693.490.860 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 6. Công ty không có khoản phải thu chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	72.233.439.480	20.451.047.268
Phải thu nhân viên	3.100.409.773	3.143.004.265
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	1.112.300.000	2.478.050.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	2.448.450.684	599.794.472
Khác	2.688.784.495	2.664.695.095
	<u>81.583.384.432</u>	<u>29.336.591.100</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	<u>1.216.675.000</u>	<u>1.107.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 56.000.000 đồng và 125.178.682 đồng như trình bày tại Thuyết minh 6. Công ty không có khoản phải thu khác chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	2020	
	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán		
- Công ty Cổ phần Thực phẩm và Đồ uống Express	188.295.508	188.295.508
- Các khách hàng khác	306.759.236	216.671.724
	<u>495.054.744</u>	<u>404.967.232</u>
	2019	
	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán		
- Công ty Cổ phần Thực phẩm và Đồ uống Express	188.295.508	188.295.508
- Công ty TNHH Thương mại Nhà Tỏi	178.182.957	178.182.957
- Các khách hàng khác	452.191.077	452.191.077
	<u>818.669.542</u>	<u>818.669.542</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	452.038.179.048	(3.177.306.549)	422.209.844.074	(2.102.702.571)
Nguyên vật liệu	134.293.833.267	-	157.415.664.675	-
Công cụ, dụng cụ	68.268.702.741	-	56.042.757.902	-
Hàng hóa	9.848.247.493	-	11.384.942.917	-
Hàng gửi bán	213.354.764	-	209.510.909	-
Chi phí SXKD dở dang	4.036.781.002	-	3.459.261.007	-
Hàng mua đang đi trên đường	2.733.468.405	-	6.485.970.206	-
	<u>671.432.566.720</u>	<u>(3.177.306.549)</u>	<u>657.207.951.690</u>	<u>(2.102.702.571)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.102.702.571	838.812.941
Dự phòng	1.134.676.978	1.346.507.291
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	(60.073.000)	(82.617.661)
	<u>3.177.306.549</u>	<u>2.102.702.571</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.845.015.876	5.071.467.073
Chi phí thuê hoạt động	442.133.223	699.315.453
Khác	3.928.436.081	2.657.812.148
	<u>7.215.585.180</u>	<u>8.428.594.674</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.841.699.995	5.209.457.615
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh	1.673.368.374	1.731.239.790
Chi phí thuê hoạt động	1.470.269.640	1.567.433.024
Khác	17.747.538.554	18.865.516.376
	<u>25.732.876.563</u>	<u>27.373.646.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

9 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	120.585.936.076		245.348.674.464	64.918.459.147	28.780.260.579	2.876.586.542	462.509.916.808
(Trình bày lại)	803.263.095		12.068.681.962	1.459.690.909	2.289.283.454	-	16.620.919.420
Mua trong năm	-	-	5.195.519.129	3.073.675.548	-	-	8.269.194.677
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	74.120.000	-	74.120.000
Tặng khác	(118.445.250)	(118.445.250)	(137.600.000)	(440.000.000)	(57.330.000)	(2.286.591.162)	(3.039.966.412)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.098.473.642)	-	(1.098.473.642)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.270.753.921	121.270.753.921	262.475.275.555	69.011.825.604	29.987.860.391	589.995.380	483.335.710.851
Khấu hao lũy kế							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	36.607.575.580		154.848.246.213	49.975.991.271	16.572.858.252	2.157.439.298	260.162.110.614
(Trình bày lại)	5.720.838.090		16.993.157.129	3.709.621.916	3.746.644.286	474.564.056	30.644.825.477
Khấu hao trong năm	(118.445.250)	(118.445.250)	(137.600.000)	(440.000.000)	(57.330.000)	(2.042.007.974)	(2.795.383.224)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.098.473.642)	-	(1.098.473.642)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	42.209.968.420	42.209.968.420	171.703.803.342	53.245.613.187	19.163.698.896	589.995.380	286.913.079.225
Giá trị còn lại							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	83.978.360.496	83.978.360.496	90.500.428.251	14.942.467.876	12.207.402.327	719.147.244	202.347.806.194
(Trình bày lại)	79.060.785.501	79.060.785.501	90.771.472.213	15.766.212.417	10.824.161.495	-	196.422.631.626
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020							

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ của Công ty với tổng giá trị còn lại là 56.758 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 42.781 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 16).

9 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có giá trị là 146.729 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 133.519 triệu đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	284.281.023.885	11.472.432.738	295.753.456.623
Mua trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	824.490.000	824.490.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	284.281.023.885	12.346.922.738	296.627.946.623
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	36.809.697.876	5.941.851.026	42.751.548.902
Khấu hao trong năm	11.038.711.452	2.068.106.168	13.106.817.620
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	47.848.409.328	8.009.957.194	55.858.366.522
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	247.471.326.009	5.530.581.712	253.001.907.721
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	236.432.614.557	4.336.965.544	240.769.580.101

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.756 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.240 triệu đồng).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒ DANG

	2020 VND	2019 VND
Dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan	14.480.576.600	12.873.608.814
Hệ thống xử lý nước thải	1.883.583.637	1.871.038.183
Dự án ERP	850.535.363	850.535.363
Khác	624.289.318	207.562.266
	17.838.984.918	15.802.744.626

11 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31.12.2020			31.12.2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	4.328.606.400	6.116.095.809	-	5.512.670.000	6.766.291.400	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm khoản đầu tư của Công ty vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương với số lượng cổ phiếu ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 464.643 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giá tham chiếu bình quân 30 ngày gần nhất với số cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 5711/NQHĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thoái vốn đầu tư tại ngân hàng này.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020		2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH TM và XNK Nhất Lâm	32.737.731.783	32.737.731.783	-	-
Công ty TNHH MTV XNK Thực phẩm Hạ Long	18.346.342.400	18.346.342.400	54.679.814.750	54.679.814.750
Khác	230.434.477.864	230.434.477.864	286.310.346.599	286.310.346.599
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.003.752.614	2.003.752.614	2.000.844.480	2.000.844.480
	283.522.304.661	283.522.304.661	342.991.005.829	342.991.005.829

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Mẫu số B 09 – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND (Trình bày lại)	Số nợ thừa/ phải nộp trong năm VND	Số được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
(a) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.835.690.560	(1.547.614.890)	(283.899.110)	4.176.560
Thuế xuất nhập khẩu	-	42.272.640	-	42.272.640
	<u>1.835.690.560</u>	<u>(1.505.342.250)</u>	<u>(283.899.110)</u>	<u>46.449.200</u>
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.787.287.576	176.786.501.469	(172.925.784.103)	17.648.004.942
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.584.461.138	(14.584.461.138)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.385.982.179	(1.385.982.179)	-
Thuế TNDN	19.393.659.579	38.048.982.906	(54.772.821.003)	2.669.821.482
Thuế thu nhập cá nhân	139.162.513	2.473.644.709	(1.953.372.378)	659.434.844
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	514.089.099	5.335.582.240	(5.529.564.666)	320.106.673
Thuế nhà thầu	-	181.617.877	(181.617.877)	-
Lệ phí môn bài	-	96.000.000	(96.000.000)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.629.000	(1.629.000)	-
Khác	178.751.532	1.780.048.125	(406.965.690)	1.551.833.967
	<u>34.012.950.299</u>	<u>240.674.449.643</u>	<u>(251.838.198.034)</u>	<u>22.849.201.908</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN

Mẫu số B 09a – DN

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Thuê mặt bằng (*)	53.066.444.165	14.850.451.099
Trung tâm phát triển quỹ đất	52.893.644.165	7.060.684.856
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	-	7.789.766.243
Khác	172.800.000	-
Hỗ trợ bán hàng	16.932.582.405	11.759.569.779
Chi phí lãi vay	543.744.874	485.024.344
Khác	1.647.909.389	1.636.837.738
	<u>72.190.680.833</u>	<u>28.731.882.960</u>

(*) Theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển giao quyền quản lý cơ sở nhà, đất tại địa chỉ của Trụ sở chính từ Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV sang Trung tâm phát triển quỹ đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh) để tiếp nhận, quản lý và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tiếp tục ký kết hợp đồng thuê với Công ty. Tuy nhiên, các bên đang trong quá trình thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng thuê đất và đơn giá thuê đất mới.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Bên thứ ba		
Chiết khấu bán hàng	19.826.797.824	20.532.186.106
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.256.290.794	2.252.325.661
Khác	8.506.028.094	5.753.710.531
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	507.841.501	7.226.516.694
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	33.270.000	19.870.000
	<u>31.130.228.213</u>	<u>35.784.608.992</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÁN

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	189.574.719.932	1.255.436.390.296	(1.224.897.091.627)	-	220.114.018.601
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	18.958.056.170	(18.958.056.170)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	-	448.320.786.158	(339.925.000.758)	-	108.395.785.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	7.010.822.363	-	(8.190.599.624)	15.443.345.838	14.263.568.577
	196.585.542.295	1.722.715.232.624	(1.591.970.748.179)	15.443.345.838	342.773.372.578

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 7 TP HCM

Đây là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng số 0607/2020-HĐCVHM/NHCT924-VISSAN ngày 11 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 400.000.000.000 đồng và có thời hạn vay cho mỗi lần giải ngân không quá 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP HCM

Đây là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng cho vay số 0031/2020/N-KD/01 ngày 23 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 400.000.000.000 đồng và có thời hạn vay cho mỗi lần giải ngân không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào quá hạn thanh toán. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có khả năng hoàn trả đầy đủ các khoản vay khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÁN

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	13.712.862.030	17.233.050.735	(12.148.568.338)	18.797.344.427
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	10.680.460.000	2.498.650.000	(3.294.777.500)	9.884.332.500
	24.393.322.030	19.731.700.735	(15.443.345.838)	28.681.676.927

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng số 0020/KHĐN2/17DH ngày 27 tháng 2 năm 2017, 0035/1828/C-TL ngày 26 tháng 2 năm 2019, 0015/2028/T-TL/01 ngày 2 tháng 3 năm 2020 và 0088/2028/T-TL/01 ngày 17 tháng 12 năm 2020 với tổng hạn mức 149.617.500.000 đồng và chịu lãi suất từ 7.8% - 8.5%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).

(ii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 4

Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201900274 ngày 28 tháng 6 năm 2019 với hạn mức 16.197.000.000 đồng và chịu lãi suất 7,5%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

17 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	22.927.301.754	29.011.241.458
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	51.934.837.537	44.826.624.648
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	16.000.000.000	17.809.140.383
Sử dụng quỹ	(34.911.230.761)	(68.701.213.935)
Giảm khác	(38.144.700)	(18.490.800)
Số dư cuối năm	<u>55.912.763.830</u>	<u>22.927.301.754</u>

18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động về dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	29.271.347.250	30.493.004.716
Tăng	1.060.865.832	1.994.493.198
Sử dụng trong năm	(2.925.240.707)	(3.216.150.664)
Số dư cuối năm	<u>27.406.972.375</u>	<u>29.271.347.250</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

19 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản dự phòng	27.406.972.375	29.271.347.250
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản chi phí phải trả, bao gồm:	92.737.357.365	99.535.937.930
+ Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	700.000.000	700.000.000
+ Chi phí thuê mặt bằng	53.165.458.859	66.544.182.045
+ Chiết khấu bán hàng	19.826.797.824	20.532.186.106
+ Hỗ trợ bán hàng	18.961.374.762	11.759.569.779
+ Khác	83.725.920	-
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	4.491.178.863	4.461.493.089
	<u>124.635.508.603</u>	<u>133.268.778.269</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>24.927.101.721</u>	<u>26.653.755.653</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2020 Cổ phiếu phổ thông	2019 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>80.914.300</u>	<u>80.914.300</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	80.914.300	80.914.300
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(600)	(600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>80.913.700</u>	<u>80.913.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	54.829.878	67,76	54.829.878	67,76
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)	20.180.026	24,94	20.180.026	24,94
Các cổ đông khác	5.904.396	7,30	5.904.396	7,30
Cổ phiếu quỹ	(600)	-	(600)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.913.700	100	80.913.700	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	80.913.700	809.120.800.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B 09 – DN

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ phát triển và đầu tư VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND (Trình bày lại)	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	809.143.000.000	47.877.075.317	-	136.585.134.873	993.605.210.190
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	178.340.769.163	178.340.769.163
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	20.702.483.705	-	(20.702.483.705)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(44.826.624.648)	(44.826.624.648)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(17.809.140.383)	(17.809.140.383)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(40.456.850.000)	(40.456.850.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(22.200.000)	-	(22.200.000)
Tặng khác	-	-	-	18.490.800	18.490.800
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 (Trình bày lại)	809.143.000.000	68.579.559.022	(22.200.000)	191.149.296.100	1.068.849.655.122
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	165.150.073.411	165.150.073.411
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	26.713.710.575	-	(26.713.710.575)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(51.934.837.537)	(51.934.837.537)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(40.456.850.000)	(40.456.850.000)
Tặng khác	-	-	-	38.144.700	38.144.700
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	809.143.000.000	95.293.269.597	(22.200.000)	221.232.116.099	1.125.646.185.696

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối LNST của năm 2019 như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 26.713.710.575 đồng;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 69.146.377.920 đồng (đã tạm trích trong năm 2019: 17.809.140.383 đồng);
- Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty: 597.600.000 đồng;
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020: 16.000.000.000 đồng; và
- Chia cổ tức bằng tiền mặt và chuyển khoản: 40.456.850.000 đồng.

Tại ngày 17 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 3404/NQHĐQT-CTY cho phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản năm 2019 với tỷ lệ 5% mệnh giá/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 500 đồng), ngày đăng ký cuối cùng là 10 tháng 8 năm 2020 và được thanh toán tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

22 CỐ TỨC

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	19.870.000	19.845.000
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21)	40.456.850.000	40.456.850.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(40.443.450.000)	(40.456.825.000)
Số dư cuối năm	33.270.000	19.870.000

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	165.150.073.411	178.340.769.163
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(74.678.679.563)	(69.743.977.920)
	90.471.393.848	108.596.791.243
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	80.913.700	80.913.700
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.118	1.342

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	178.091.403.833	249.365.330	178.340.769.163
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(69.743.977.920)	-	(69.743.977.920)
	108.347.425.913	249.365.330	108.596.791.243
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	80.913.700	-	80.913.700
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.339	3	1.342

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được ước tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020 của người lao động, người quản lý và trích thêm 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2019 được tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2019 của người lao động và người quản lý theo Nghị quyết Đại hội đồng số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTY ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có ảnh hưởng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	2020 VND	2019 VND
(a) Nợ khó đòi đã xử lý		
Các khoản nợ đã xử lý	574.374.034	-
(b) Ngoại tệ các loại		
USD	182.676,54	278.018,51

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	5.179.943.739.398	5.008.114.228.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ	966.340.658	2.861.328.964
	5.180.910.080.056	5.010.975.557.855
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(35.351.635.099)	(32.830.020.905)
Hàng bán bị trả lại	(2.011.055.349)	(5.581.144.418)
	(37.362.690.448)	(38.411.165.323)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và thành phẩm	5.142.581.048.950	4.969.703.063.568
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	966.340.658	2.861.328.964
	5.143.547.389.608	4.972.564.392.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	4.136.984.480.454	3.930.096.373.708
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	773.867.250	1.807.263.983
	<u>4.137.758.347.704</u>	<u>3.931.903.637.691</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.411.448.067	16.818.147.555
Lãi thoái vốn cổ phiếu SGB	577.755.373	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	74.999.170	71.546.564
	<u>20.064.202.610</u>	<u>16.889.694.119</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền vay	13.560.716.976	9.913.220.150
Chiết khấu thanh toán	11.665.592.554	10.628.237.661
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	580.840.119	709.080.245
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(186.983.000)
	<u>25.807.149.649</u>	<u>21.063.555.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên bán hàng	308.912.355.906	328.034.949.192
Chi phí vật liệu, bao bì	28.503.620.569	31.213.462.970
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.416.275.094	12.984.915.268
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.945.190.757	6.075.246.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bao gồm:	129.614.840.284	126.894.040.789
- Chi phí vận chuyển	66.915.221.204	67.616.482.192
- Chi phí thuê kho, mặt bằng	34.938.915.382	32.964.603.806
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	27.760.703.698	26.312.954.791
Chi phí khác, bao gồm:	157.028.886.851	108.851.682.517
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	107.371.055.462	64.473.025.692
- Chi phí khác	49.657.831.389	44.378.656.825
	<u>642.421.169.461</u>	<u>614.054.297.012</u>

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	79.328.771.558	77.705.858.506
Chi phí vật liệu quản lý	2.112.764.573	2.608.925.907
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.085.833.562	3.577.966.526
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.026.634.176	15.292.379.134
Thuế, phí và lệ phí	7.487.455.409	6.389.234.757
Chi phí dự phòng	160.671.724	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bao gồm:	(1.127.958.829)	43.818.363.180
- Chi phí thuê mặt bằng	(12.871.926.494)	33.021.072.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.743.967.665	10.797.290.649
Chi phí khác, bao gồm:	45.117.386.225	48.189.727.060
- Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	29.573.887.756
- Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(20.000.000.000)
- Chi phí khác	45.117.386.225	38.615.839.304
	<u>152.191.558.398</u>	<u>197.582.455.070</u>

31 THUẾ TNDN

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương, Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận được hưởng lãi suất ưu đãi là 15% trong suốt thời gian hoạt động do có thu nhập từ chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2019: 20%) như sau:

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	204.925.710.249	226.363.156.899
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 20%	122.377.733.707	217.608.596.907
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 15%	82.547.976.542	8.754.559.992
Thuế tính ở thuế suất 20%	24.475.546.740	43.521.719.381
Thuế tính ở thuế suất 15%	12.382.196.482	1.313.183.999
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.917.893.616	2.801.726.771
Chi phí không được khấu trừ thuế suất 20%	2.916.993.616	2.771.051.771
Chi phí không được khấu trừ thuế suất 15%	900.000	30.675.000
Dự phòng thiếu của năm trước	-	385.757.585
Chi phí thuế TNDN (*)	39.775.636.838	48.022.387.736
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	38.048.982.906	60.751.234.716
Thuế TNDN - hoãn lại	1.726.653.932	(12.728.846.980)
	39.775.636.838	48.022.387.736

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.243.000.469.534	3.230.830.354.406
Chi phí nhân viên	637.559.855.319	636.065.707.879
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.721.852.001	43.293.718.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.282.864.817	272.612.139.999
Chi phí khác	289.424.844.526	245.939.175.755
	4.416.989.886.197	4.428.741.096.054

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Thịt tươi sống VND	Thực phẩm chế biến VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	2.468.808.185.435	2.530.116.157.319	144.623.046.854	5.143.547.389.608
Giá vốn	(2.201.059.171.356)	(1.822.516.267.278)	(114.182.909.070)	(4.137.758.347.704)
Lợi nhuận gộp	267.749.014.079	707.599.890.041	30.440.137.784	1.005.789.041.904
	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại)			
	Thịt tươi sống VND	Thực phẩm chế biến VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	2.480.978.763.246	2.302.915.390.437	188.670.238.849	4.972.564.392.532
Giá vốn	(2.150.675.049.753)	(1.622.423.450.989)	(158.805.136.949)	(3.931.903.637.691)
Lợi nhuận gộp	330.303.713.493	680.491.939.448	29.865.101.900	1.040.660.754.841

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV do sở hữu 67,76% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	277.253.159.151	276.718.491.492

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	32.651.192.265	37.989.451.238
(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Phúc Khoa Chủ tịch	167.200.000	129.056.400
Ông Nguyễn Ngọc An Phó chủ tịch	138.400.000	105.591.600
Ông Lê Minh Tuấn Thành viên	40.336.000	-
Ông Huỳnh Quang Giàu Thành viên	138.400.000	105.591.600
Ông Trần Ngọc Đăng Thành viên	10.800.000	47.991.600
Ông Phạm Công Tuấn Hạ Thành viên	87.264.000	57.600.000
	582.400.000	445.831.200
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Ngọc An Tổng Giám đốc	972.700.000	749.808.800
Ông Phan Văn Dũng Phó Tổng Giám đốc	882.400.000	660.682.000
Ông Nguyễn Đăng Phú Phó Tổng Giám đốc	882.400.000	661.682.000
Ông Lê Minh Tuấn Phó Tổng Giám đốc	882.400.000	644.908.500
Ông Trương Hải Hưng Phó Tổng Giám đốc	535.800.000	-
Bà Lâm Thị Ngọc Sương Phó Tổng Giám đốc	-	63.094.000
Bà Đặng Thị Phương Ninh Phó Tổng Giám đốc	-	15.773.500
	4.155.700.000	2.795.948.800
Kế toán trưởng	803.500.000	601.620.000

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Trung tâm điều hành Satrafoods	26.528.087.945	33.244.252.113
- Trung tâm Satra Phạm Hùng	557.193.465	476.838.950
- Siêu thị Satra Sài Gòn	450.191.447	567.203.161
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	412.338.060	563.218.083
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	273.424.154	237.404.333
- Thương xá Tax	-	109.950.768
- Trung tâm dịch vụ ăn uống Satra	-	26.732.159
- Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	52.058.510	27.655.216
	28.273.293.581	35.253.254.783
(ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5(a))		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng	71.215.162.617	19.432.770.405
- Khác	1.018.276.863	1.018.276.863
	72.233.439.480	20.451.047.268
(iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Kho lạnh Satra	1.888.537.274	1.928.601.481
- Trung tâm phân phối	82.215.340	72.242.999
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	33.000.000	-
	2.003.752.614	2.000.844.480
(iv) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	-	7.789.766.243
- Tiền thuê mặt bằng 154 Phố Huế, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	-	7.643.980.937
	-	145.785.306

34 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
(v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Lợi nhuận sau thuế nộp Tổng Công ty	-	6.718.675.193
- Tiền thuê mặt bằng	99.014.694	99.014.694
- Khác	408.826.807	408.826.807
	<u>507.841.501</u>	<u>7.226.516.694</u>

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	12.585.284.536	11.365.088.622
Từ 1 đến 5 năm	24.489.200.816	24.691.742.251
Trên 5 năm	1.182.615.688	2.342.904.476
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>38.257.101.040</u>	<u>38.399.735.349</u>

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ, dự án tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	2020 VND	2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.553.568.645.700	1.553.684.145.700
Đã duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	18.682.987.585	20.427.296.150
	<u>1.572.251.633.285</u>	<u>1.574.111.441.850</u>

Cam kết vốn cho dự án đã được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng chủ yếu liên quan tới dự án di dời nhà máy sản xuất và giết mổ Vissan.

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được trình bày lại theo Báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 71/KTNN-TH ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc Quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và theo Quyết định 29/QĐ-TTR ngày 23 tháng 2 năm 2021 của thanh tra Bộ tài chính như sau:

Mã số	Tài sản	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.414.539.191.288	9.199.439.685	1.423.738.630.973
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	336.028.058.763	8.441.406.973	344.469.465.736
136	Phải thu ngắn hạn khác	20.895.184.127	8.441.406.973	29.336.591.100
150	Tài sản ngắn hạn khác	9.717.277.245	758.032.712	10.475.309.957
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7.589.314.942	839.279.732	8.428.594.674
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.916.937.580	(81.247.020)	1.835.690.560
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	531.548.698.892	250.832.107	531.799.530.999
220	Tài sản cố định	454.655.255.425	694.458.490	455.349.713.915
221	Tài sản cố định hữu hình	201.653.347.704	694.458.490	202.347.806.194
222	Nguyên giá	461.764.462.262	745.454.546	462.509.916.808
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(260.111.114.558)	(50.996.056)	(260.162.110.614)
260	Tài sản dài hạn khác	54.471.028.841	(443.626.383)	54.027.402.458
261	Chi phí trả trước dài hạn	27.817.273.188	(443.626.383)	27.373.646.805
270	TỔNG TÀI SẢN	1.946.087.890.180	9.450.271.792	1.955.538.161.972
300	NỢ PHẢI TRẢ	877.487.600.388	9.200.906.462	886.688.506.850
310	Nợ ngắn hạn	823.822.931.108	9.200.906.462	833.023.837.570
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.470.633.908	2.542.316.391	34.012.950.299
319	Phải trả ngắn hạn khác	29.126.018.921	6.658.590.071	35.784.608.992
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.068.600.289.792	249.365.330	1.068.849.655.122
410	Vốn chủ sở hữu	1.068.600.289.792	249.365.330	1.068.849.655.122
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	190.899.930.770	249.365.330	191.149.296.100
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	160.282.263.450	249.365.330	160.531.628.780
440	TỔNG NGUỒN VỐN	1.946.087.890.180	9.450.271.792	1.955.538.161.972

37 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Theo báo cáo trước đây		
		VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(3.931.961.994.775)	58.357.084	(3.931.903.637.691)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.040.602.397.757	58.357.084	1.040.660.754.841
25	Chi phí bán hàng	(614.407.702.220)	353.405.208	(614.054.297.012)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	224.438.379.530	411.762.292	224.850.141.822
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	225.951.394.607	411.762.292	226.363.156.899
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(60.588.837.754)	(162.396.962)	(60.751.234.716)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	178.091.403.833	249.365.330	178.340.769.163
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	3	1.342

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2021.



Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu



Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc An